

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Thuê dịch vụ trang bị và thi công nội thất văn phòng chi nhánh Trung tâm Đổi mới sáng tạo BSR tại Đà Nẵng theo Đơn hàng số 62/1100004175/ĐH-ĐMST

Phát hành ngày: _____

Bên mời thầu



MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt	
Phần thứ nhất. Thủ tục đấu thầu.....	
Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu.....	
Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá Hồ sơ dự thầu.....	
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu	
Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi cung cấp	
Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.....	
Phần thứ ba. Hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng.....	
Chương VI. Hợp đồng	
Chương VII. Biểu mẫu hợp đồng.....	
Phần thứ tư. Tiêu chí đánh giá điều chỉnh và hướng dẫn đối với hình thức nộp hồ sơ qua hệ thống.....	
Chương VIII. Tiêu chí kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ HSDT điều chỉnh đối với hình thức nộp qua hệ thống.....	
Chương XI. Hướng dẫn nộp hồ sơ thầu qua hệ thống.....	



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

QCMS	Quy chế mua sắm của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 1402/QĐ-BSR ngày 22 tháng 4 năm 2025.
BSR	Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam
HĐQT	Hội đồng quản trị
CDNT	Chỉ dẫn Nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
ĐKHĐ	Điều kiện hợp đồng
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá HSDT
VND	Đồng Việt Nam
Ngày đóng thầu	Ngày có thời điểm đóng thầu
BMT	Bên mời thầu
TCG	Tổ chuyên gia
TTĐ	Tổ thẩm định
MSHH	Mua sắm hàng hóa
KQLCNT	Kết quả lựa chọn Nhà thầu
BDSC	Ban Bảo dưỡng sửa chữa
VHSX	Ban Vận hành sản xuất
KTCN	Ban Kỹ thuật công nghệ
KTSX	Ban Kỹ thuật sản xuất
KHSX	Ban Kế hoạch sản xuất



ATCL	Ban An toàn chất lượng
ATMT	Ban An toàn môi trường
NL	Ban Nguyên liệu
PTKD	Ban Phát triển Kinh Doanh
QTNL	Ban Quản trị phát triển nguồn lực
VP	Văn phòng
PCRR	Ban Pháp chế và quản trị rủi ro
CNTT&CĐS	Ban Công nghệ thông tin và chuyển đổi số
TMDV	Ban Thương mại Dịch vụ
DA	Ban Dự án



Phần thứ nhất. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU
A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu quy định tại **BDL** phát hành bộ HSMT này để lựa chọn Nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa được mô tả trong Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi cung cấp, tuân thủ QCMS của Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 1402/QĐ-BSR ngày 22 tháng 4 năm 2025.
2. Tên gói thầu, số lượng và tên các phần (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) quy định tại **BDL**.
3. Thời gian thực hiện gói thầu quy định tại **BDL**.

Mục 2. Nguồn vốn

Nguồn vốn quy định tại **BDL**.

Mục 3. Hành vi bị cấm

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu dưới mọi hình thức.
3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ hoặc rút Hồ sơ tham dự thầu nhằm cho một bên trúng thầu;
 - b) Nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của gói thầu nhưng khi tham dự thầu cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm của mình khi được BMT yêu cầu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.
4. Gian lận bao gồm:
 - a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu khi tham dự thầu;
 - b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDT, nhằm làm sai lệch KQLCNT.
5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;
 - b) Cản trở BMT, Nhà thầu trong lựa chọn Nhà thầu;



c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động lựa chọn Nhà thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn Nhà thầu;

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là Nhà thầu đối với gói thầu do mình làm BMT hoặc thực hiện nhiệm vụ của BMT;

b) Tham gia xây dựng nhưng đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá HSDT nhưng đồng thời tham gia thẩm định KQLCNT đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc BMT, TCG, TTĐ KQLCNT tham gia trực tiếp vào quá trình lựa chọn Nhà thầu đối với gói thầu mà người đứng tên dự thầu hoặc người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu lại có quan hệ gia đình với mình (là cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột của mình của vợ hoặc chồng mình);

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu do Công ty tổ chức, là nơi mình đã công tác trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại Công ty;

g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với cùng một gói thầu.

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn Nhà thầu trước thời điểm chính thức công bố hoặc phát hành theo quy định hoặc tiết lộ các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn Nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Chuyển nhượng thầu bao gồm:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác trên 10% giá trị phải thực hiện theo Hợp đồng sau khi trừ giá trị công việc của Nhà thầu phụ, Nhà thầu phụ đặc biệt nêu trong Hợp đồng.

b) BMT chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc như quy định tại Điểm a Khoản này, trừ trường hợp có lý do chính đáng được cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả LCNT cho phép.

Mục 4. Tư cách hợp lệ của Nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đối với Nhà thầu trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; đối với Nhà thầu



nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

b) Hạch toán tài chính độc lập;

c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo QCMS;

e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Có tên trong Danh sách ngăn (đối với trường hợp lựa chọn Danh sách ngăn).

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các Điểm d và Điểm g Khoản 1 Mục này.

3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;

b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 1 Mục này.

Mục 5. Nội dung của HSMT

1. HSMT gồm các Phần dưới đây và cùng với tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có):

Phần 1. Thủ tục đấu thầu

- Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu;
- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.

Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

- Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp .

Phần 3. Hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:

- Chương VI. Hợp đồng;



- Chương VII. Biểu mẫu hợp đồng.

Phần 4: Tiêu chí đánh giá điều chỉnh và hướng dẫn đối với hình thức nộp hồ sơ qua hệ thống.

2. Thông báo mời thầu (Đấu thầu rộng rãi)/Thư mời thầu (Đấu thầu hạn chế) do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSMT.
3. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp trực tiếp bởi Bên mời thầu.
4. Nhà thầu phải nghiên cứu các chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác nêu trong HSMT để lập HSDT.

Mục 6. Làm rõ HSMT

1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, Nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu hoặc đặt câu hỏi trong hội nghị tiền đấu thầu (nếu có). Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSMT của Nhà thầu trước thời điểm đóng thầu tối thiểu một số ngày theo quy định tại **BDL**, Bên mời thầu sẽ gửi văn bản trả lời cho Nhà thầu có yêu cầu làm rõ HSMT và cho tất cả Nhà thầu khác đã nhận HSMT từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên Nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu sẽ tiến hành sửa đổi HSMT nhưng bảo đảm thời gian theo quy định tại Mục 7 CDNT.

2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các Nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản, gửi cho tất cả Nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu. Trong trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ phát hành văn bản sửa đổi HSMT như quy định tại Mục 7 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại Nhà thầu.

Mục 7. Sửa đổi HSMT

1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc Bên mời thầu phát hành văn bản sửa đổi HSMT.

2. Văn bản sửa đổi HSMT được coi là một phần của HSMT, được thông báo bằng văn bản tới tất cả các Nhà thầu đã nhận HSMT trực tiếp từ Bên mời thầu và đăng tải lên website của BSR (<http://www.bsr.com.vn>).



3. Việc gửi văn bản sửa đổi HSMT đến các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu thực hiện theo thời gian quy định tại **BDL**. Nhằm giúp Nhà thầu có đủ thời gian hợp lý để sửa đổi HSDT, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại khoản 2 Mục 21 CDNT. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu là đã nhận được tài liệu sửa đổi đó bằng một trong các cách sau: gửi văn bản trực tiếp hoặc theo đường bưu điện, bằng fax hoặc e-mail.

Mục 8. Chi phí dự thầu

Thông báo mời thầu được đăng tải trên website của Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam (<http://www.bsr.com.vn>) và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của Nhà thầu.

Mục 9. Ngôn ngữ của HSDT

HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa Nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu sẽ yêu cầu Nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 10. Thành phần của HSDT

HSDT phải bao gồm các thành phần sau:

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT.
2. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp Nhà thầu liên danh theo Mẫu 03 Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.
3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT.
4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu theo Mục 16 CDNT.
5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT.
6. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 CDNT;
7. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được điền đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT.
8. Các nội dung khác theo quy định tại **BDL**.

Mục 11. Đơn dự thầu và các bảng biểu

Nhà thầu điền đầy đủ thông tin theo các Mẫu ở Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.

Mục 12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế

1. Trường hợp trong HSMT có quy định tại **BDL** về việc Nhà thầu có thể đề



xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.

2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và Nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ thực hiện và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Mục 13. Giá dự thầu và giảm giá

1. Giá dự thầu là giá do Nhà thầu ghi trong Đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu quy định tại Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Giá dự thầu của Nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày đóng thầu theo quy định trong HSMT. Trường hợp Nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo yêu cầu của HSMT thì HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại.

2. Nhà thầu phải chào giá cho toàn bộ công việc của gói thầu được mô tả trong Mục 1 CDNT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” Nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu.

3. Trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá và phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các công việc cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả công việc thuộc gói thầu. Thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp riêng thì thực hiện như quy định tại khoản 2 và khoản 3 Mục 20 CDNT. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của Nhà thầu tại lễ mở thầu.

4. Trường hợp trong HSDT có đơn giá bất thường, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu làm rõ về đơn giá này theo quy định tại Mục 26 CDNT.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần như quy định tại **BDL** thì Nhà thầu có thể dự thầu cho một hoặc nhiều phần của gói thầu. Trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá, phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cụ thể cho từng phần theo khoản 5 Mục 13. CDNT.

6. Trường hợp Nhà thầu phát hiện các công việc nêu trong các bảng biểu



thuộc Chương IV. Biểu mẫu dự thầu chưa chính xác so với yêu cầu cung cấp cho gói thầu nêu tại Mục 1 Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi cung cấp, Nhà thầu có thể thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần công việc sai khác này mà không đưa vào giá dự thầu.

Mục 14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán

Đồng tiền dự thầu đối với đấu thầu trong nước là VND.

Đồng tiền thanh toán là VND hoặc bằng đồng tiền khác phù hợp quy định pháp luật.

Mục 15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan

1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSMT, Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng hàng hóa mà Nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

3. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalog do Bên mời thầu quy định tại Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế Nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalog khác miễn là Nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Mục 16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu

1. Nhà thầu phải điền các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV. Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.

2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của Nhà thầu nếu được trúng thầu theo quy định tại **BDL**.

Mục 17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT

1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể yêu cầu các Nhà thầu thực hiện việc gia hạn hiệu lực của



HSDT, đồng thời với việc gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu Nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của Nhà thầu không được xem xét tiếp và Nhà thầu sẽ được nhận lại bảo đảm dự thầu. Trường hợp chấp nhận gia hạn, Nhà thầu không được thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc yêu cầu gia hạn của Bên mời thầu và việc chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn của Nhà thầu phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 18. Bảo đảm dự thầu

1. Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu với thời gian có hiệu lực theo quy định của HSMT theo một trong các hình thức sau: đặt cọc hoặc nộp thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Thư bảo lãnh phải theo Mẫu 04 (a) hoặc Mẫu 04 (b) Chương IV. Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Mục 17 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.

Đối với Nhà thầu liên danh, biện pháp bảo đảm dự thầu được thực hiện theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục 18 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của QCMS dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 5 Mục 18 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục 18 CDNT.

2. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại **BDL**.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi không tuân thủ Mẫu bảo đảm dự thầu quy định ở Chương IV. Biểu mẫu dự thầu, thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục 18 CDNT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc, phát hành trước ngày phát hành HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự



thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại **BDL**, kể từ ngày KQLCNT được phê duyệt. Đối với Nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi Hợp đồng có hiệu lực, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Mục 18 CDNT.

5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b) Nhà thầu vi phạm QCMS dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Mục 33 CDNT;

c) Nhà thầu trúng thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 CDNT;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến hoàn thiện Hợp đồng của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện Hợp đồng nhưng từ chối ký kết Biên bản hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Nhà thầu không ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo trúng thầu của Bên mời thầu kể từ ngày kết thúc hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 19. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 1 bản gốc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT”, “BẢN CHỤP HSDT”.

Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDT THAY THẾ”.

Trường hợp có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT thì Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”.

2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng Nhà thầu thì Bên mời thầu căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng Nhà thầu thì HSDT của Nhà thầu bị loại.



3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV. Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của Nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu 02 Chương IV. Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác để chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.

4. Trường hợp là Nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc của thành viên đại diện Nhà thầu liên danh theo Thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, Thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký Đơn dự thầu.

Mục 20. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT

1. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU".

Trường hợp Nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

Trường hợp Nhà thầu có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì toàn bộ phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm cả đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về giá phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”.

Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong theo cách riêng của Nhà thầu.

2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:

a) Ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu;

b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại khoản 1 Mục 21 CDNT;

c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại khoản 2 Mục 1 CDNT;

d) Ghi dòng chữ cảnh báo “không được mở trước thời điểm mở thầu”.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin



trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Mục 19 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu Nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.

Mục 21. Thời điểm đóng thầu

1. Nhà thầu nộp HSDT trực tiếp cho Bên mời thầu hoặc nộp qua hệ thống đấu thầu của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các Nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả Nhà thầu chưa nhận HSMT do Bên mời thầu phát hành nhưng nhà thầu phải hoàn thành việc mua HSMT trước thời điểm đóng thầu đối với HSMT phát hành có phí.

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và Nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu được gia hạn.

Mục 22. HSDT nộp muộn

Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại theo nguyên trạng cho Nhà thầu.

Mục 23. Rút, thay thế và sửa đổi HSDT

1. Sau khi nộp HSDT, Nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Mục 19 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDT” hoặc “THAY THẾ HSDT” hoặc “RÚT HSDT”;

b) Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNT.

2. HSDT mà Nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại khoản 1 Mục 23 CDNT sẽ được trả lại theo nguyên trạng cho Nhà thầu.

3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà Nhà thầu đã ghi trong Đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT đã được gia hạn.

Mục 24. Mở thầu

1. Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Mục 22 và Mục 23 CDNT, Bên mời thầu sẽ tiến hành mở thầu công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến của đại diện của các Nhà thầu tham dự lễ mở thầu và đại diện



của các cơ quan, tổ chức có liên quan và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện Nhà thầu tham dự thầu. Bên mời thầu sẽ mở từng HSDT và đọc to, rõ các thông tin quy định tại khoản 3 Mục 24 CDNT của tất cả HSDT mà Bên mời thầu đã nhận được trước thời điểm đóng thầu như quy định tại khoản 1 Mục 21 CDNT.

2. Trường hợp Nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDT thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDT”, túi đựng HSDT của Nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho Nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho Nhà thầu rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDT” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của Nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.

Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDT” và HSDT thay thế này sẽ được thay cho HSDT bị thay thế. HSDT được thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho Nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho Nhà thầu thay thế HSDT nếu văn bản thông báo thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của Nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.

Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDT” thì văn bản thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho Nhà thầu sửa đổi HSDT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của Nhà thầu. Chỉ có các HSDT được mở tại buổi mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của Nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Yêu cầu đại diện Nhà thầu (nếu có mặt) xác nhận việc có hay không có Thư giảm giá kèm theo HSDT của mình;

b) Kiểm tra niêm phong;

c) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên Nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong Đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá trong Thư giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện gói thầu, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải đọc các thông tin cho từng phần bao gồm các thông tin như cho gói thầu không chia thành nhiều phần. Chỉ những thông tin



được đọc trong lễ mở thầu và được ghi vào Biên bản mở thầu mới được sử dụng để đánh giá HSDT;

d) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc Đơn dự thầu, Bảo đảm dự thầu, Bảng tổng hợp giá dự thầu, Giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu (nếu có), Thư giảm giá (nếu có), Thoả thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNT.

4. Bên mời thầu lập Biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 3 Mục 24 CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các Nhà thầu tham dự trực tiếp lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của Nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các Nhà thầu tham dự thầu.

Mục 25. Bảo mật

1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng được giữ bí mật và không được tiết lộ cho các Nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn Nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu. Trong mọi trường hợp sẽ không được tiết lộ thông tin trong HSDT của Nhà thầu này cho Nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu.

2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 26 CDNT, Nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu.

Mục 26. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của Nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp trong HSDT của Nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu Nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của Nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDT bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp hoặc theo đường bưu điện, bằng fax hoặc e-mail.

2. Việc làm rõ HSDT giữa Nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp.

3. Trường hợp sau khi đóng thầu, Nhà thầu phát hiện HSDT của mình thiếu



các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì được phép tự gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong khoảng thời gian theo quy định tại **BDL**. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà thầu để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu được coi như một phần của HSDT. Bên mời thầu sẽ thông báo cho Nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của Nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp hoặc theo đường bưu điện, bằng fax hoặc e-mail.

4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và Nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng yêu cầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của Nhà thầu theo HSDT đã nộp trước thời điểm đóng thầu.

Mục 27. Xác định tính đáp ứng của HSDT

1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định.

2. HSDT đáp ứng cơ bản HSMT là HSDT đã vượt qua đánh giá về kỹ thuật theo TCDG về kỹ thuật quy định tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

3. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại, không được đánh giá tiếp. Nhà thầu không được phép sửa đổi nhằm làm cho HSDT trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.

Mục 28. Sai sót không nghiêm trọng

1. Khi HSDT đáp ứng cơ bản HSMT thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót không nghiêm trọng trong HSDT.

2. Khi HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này nhưng không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu; Nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại.

3. Khi HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để bảo đảm sự nhất quán của giá dự thầu, để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc thừa hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT trên cùng một mặt bằng.



Mục 29. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu chính được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ kê khai theo Mẫu 12 Chương IV. Biểu mẫu dự thầu. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của Nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và Kinh nghiệm của Nhà thầu phụ sẽ không được xem xét thay cho Năng lực và Kinh nghiệm của Nhà thầu chính khi đánh giá HSDT.

Trường hợp trong HSDT, nếu Nhà thầu chính không đề xuất sử dụng Nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc với giá trị tương ứng sẽ sử dụng Nhà thầu phụ thì được hiểu là Nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu.

2. Trường hợp được trúng thầu, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu chính không được sử dụng Nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng Nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ ngoài danh sách các Nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Bên mời thầu chấp thuận.

Mục 30. Đánh giá HSDT

Trước khi đánh giá HSDT cần kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT, kiểm tra các thành phần của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, trong đó có: Đơn dự thầu; Thỏa thuận liên danh (nếu có); Giấy ủy quyền ký Đơn dự thầu (nếu có); Bảo đảm dự thầu; Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm.

Việc đánh giá HSDT thực hiện căn cứ vào TCDG quy định tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và theo trình tự sau:

1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

a) Tính hợp lệ của HSDT được đánh giá theo quy định tại Mục 1 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

b) Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về Năng lực và Kinh nghiệm.

2. Đánh giá về Năng lực và Kinh nghiệm:

a) Năng lực và Kinh nghiệm được đánh giá theo quy định tại Mục 2 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.



3. Đánh giá về kỹ thuật:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về giá.

4. Đánh giá về Tài chính:

a) Việc đánh giá về tài chính (giá) được thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT để xếp hạng Nhà thầu.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép Nhà thầu dự thầu theo từng phần theo quy định tại khoản 5 Mục 13 CDNT thì việc đánh giá HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 6 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT theo từng phần mà Nhà thầu tham dự.

Mục 31. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

Việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện cho các HSDT đã vượt qua đánh giá về kỹ thuật, bao gồm:

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSMT có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” Nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Bên mời thầu thanh toán trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với



số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục này;

- Lỗi ghi đơn vị khác với trong HSMT: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT;

- Lỗi sử dụng nhầm dấu: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai (vô nghĩa) thì lấy con số làm cơ sở pháp lý.

2. Hiệu chỉnh các sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp theo yêu cầu nêu tại Phần thứ 2 HSMT thì giá dự thầu sẽ được cộng thêm giá trị phần chào thiếu, giá dự thầu sẽ được trừ đi giá trị phần chào thừa theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của Nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDT của Nhà thầu có sai lệch thiếu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các Nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một Nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của Nhà thầu này; trường hợp HSDT của Nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

b) Trường hợp Nhà thầu có HSDT được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất nhưng trong HSDT không có đơn giá cho các sai lệch thì khi xác định giá đề nghị trúng thầu, đối với sai lệch thừa, phải lấy mức đơn giá chào cao nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật; đối với sai lệch thiếu phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật.

Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định, Bên mời thầu thông báo



bằng văn bản cho Nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của Nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDT của Nhà thầu đó sẽ bị loại.

Mục 32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT được đánh giá là hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
2. Có năng lực và kinh nghiệm được đánh giá là đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
3. Có đề xuất về kỹ thuật được đánh giá là đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
4. Có giá trị đối với sai lệch thiếu không vượt 10% giá dự thầu.
5. Có HSDT được xếp hạng thứ nhất theo quy định tại Mục 4 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo yêu cầu của HSMT) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 33. Hủy thầu

Việc hủy thầu được thực hiện khi:

1. Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT
2. Thay đổi về mục tiêu, phạm vi công việc đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, TCDG đã nêu trong HSMT.
3. Nội dung HSMT không tuân thủ quy định của Quy chế mua sắm (QCMS) dẫn đến Nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu .
4. Nhà thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 69 QCMS.
5. Tổ chức, cá nhân không phải là Nhà thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 69 QCMS dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu.
6. Hủy thầu được thực hiện trong thời gian từ ngày phát hành HSMT đến trước khi ký kết Hợp đồng/Thỏa thuận khung.

Mục 34. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu

1. Trong thời hạn quy định tại **BDL**, Bên mời thầu sẽ gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu cho các Nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện,



fax hoặc email và đăng tải kết quả lựa chọn Nhà thầu trên cổng đấu thầu của BSR.

2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Mục 33 CDNT, Bên mời thầu sẽ nêu rõ lý do hủy thầu trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu.

Mục 35. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ

Trước thời điểm ký hợp đồng, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng công việc liên quan nêu trong Chương V Phần thứ 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại **BDL** và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT.

Mục 36. Thông báo trúng thầu

Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu, Bên mời thầu gửi Thông báo trúng thầu cho Nhà thầu trúng thầu, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết Hợp đồng theo Mẫu 14 Chương VII. Biểu mẫu hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm e khoản 5 Mục 18 CDNT.

Mục 37. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của Nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế Nhà thầu không còn đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Bên mời thầu sẽ từ chối ký kết hợp đồng với Nhà thầu. Khi đó, Bên mời thầu sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu, hủy Thông báo trúng thầu trước đó và xem xét trúng thầu cho Nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

Mục 38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi ký kết Hợp đồng hoặc trước thời điểm Hợp đồng có hiệu lực Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng. Trường hợp sử dụng Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì sử dụng mẫu quy định tại Hợp đồng.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng;



c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, Nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn Nhà thầu (khi chưa có kết quả lựa chọn Nhà thầu), kiến nghị về kết quả lựa chọn Nhà thầu đến Bên mời thầu, cấp thẩm quyền để xem xét, giải quyết theo địa chỉ nêu trong **BDL**.

Mục 40. Giám sát hoạt động lựa chọn Nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với QCMS, Nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo địa chỉ quy định tại **BDL**.



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam
CDNT 1.2	Tên gói thầu: Thuê dịch vụ trang bị và thi công nội thất văn phòng chi nhánh Trung tâm Đổi mới sáng tạo BSR tại Đà Nẵng theo Đơn hàng số 62/1100004175/ĐH-ĐMST
CDNT 1.3	Thời gian thực hiện gói thầu: 111 ngày, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên ký biên bản nghiệm thu cuối cùng xác nhận Nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng không bao gồm nghĩa vụ bảo hành (nếu có), trong đó: - Thời gian bàn giao mặt bằng: tối đa 01 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. - Thời gian thực hiện dịch vụ: tối đa 80 ngày, kể từ ngày bàn giao mặt bằng. - Thời gian nghiệm thu: dự kiến 30 ngày.
CDNT 2	Nguồn vốn: Mục I.2.6, Phụ lục 13, Quyết định số 49/QĐ-BSR ngày 09/01/2026
CDNT 6.1	Bên mời thầu phải nhận được yêu cầu giải thích làm rõ HSMT không muộn hơn 3 ngày làm việc trước ngày đóng thầu.
CDNT 7.3	Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các Nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu trước ngày đóng thầu tối thiểu 5 ngày làm việc. Trường hợp việc gửi văn bản sửa đổi HSMT không đáp ứng về thời gian theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.
CDNT 12.1	Nhà thầu “không được phép” nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
CDNT 13.5	Các phần của gói thầu: Không áp dụng
CDNT 16.2	Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm: Chi tiết tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT: 150 ngày kể từ ngày đóng thầu.
CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 86 triệu đồng (<i>Bằng chữ: Tám mươi sáu triệu đồng chẵn</i>). - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 180 ngày kể từ ngày đóng thầu.
CDNT 18.4	Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa là 14 (mười bốn) ngày, kể từ ngày KQLCNT được phê duyệt.
CDNT 19.1	Số lượng bản chụp HSDT là: 01 bản. Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT hoặc đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì Nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế, phương án kỹ thuật thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT. Ngoài số lượng bản chụp nêu trên, nhà thầu đính kèm HSDT 01 USB chứa file scan toàn bộ HSDT như hướng dẫn tại Điểm a, Mục I-Chương IX- HƯỚNG DẪN NỘP HỒ SƠ THẦU QUA HỆ THỐNG HSMT này và file excel biểu giá chào.
CDNT 21.1	Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDT): Nơi nhận: Tổ Văn thư - Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam. Địa chỉ: Số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.



	Điện thoại: 0255 – 3825825 Fax: 0255 - 3825826 Thời điểm đóng thầu là: __giờ__phút, ngày__tháng__năm 2026.
CDNT 25.1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc: __giờ__phút, ngày tháng__năm 2026, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: - Phòng mở thầu, Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam, số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.
CDNT 26.3	Nhà thầu được tự gửi tài liệu (tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm) để làm rõ HSDT đến Bên mời thầu trong vòng: 03 ngày làm việc kể từ ngày đóng thầu.
CDNT 34.1	Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả lựa chọn Nhà thầu được phê duyệt.
CDNT 35	Tỷ lệ tăng khối lượng hàng hóa tối đa là: 10% Tỷ lệ giảm khối lượng hàng hóa tối đa là: 10%
CDNT 40	- Địa chỉ của Bên mời thầu: Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam. Địa chỉ: Số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi. Điện thoại: 0255 – 3825825 Fax: 0255 - 3825826 - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam. Địa chỉ: Số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi. Điện thoại: 0255 – 3825825 Fax: 0255 - 3825826



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

Nhà thầu được kết luận là **Đáp ứng** khi tất cả nội dung được đánh giá là “**Đáp ứng**”, nhà thầu được kết luận là **Không đáp ứng** khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “**Không đáp ứng**”.

Cụ thể như sau:

Stt	Nội dung đánh giá	Đáp ứng	Không đáp ứng	Ghi chú
1	Có bản gốc HSDT hoặc HSDT nộp qua Hệ thống mạng đấu thầu của BSR.			
2	Có bản gốc Đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có); thời gian ký Đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho BMT. Đối với Nhà thầu liên danh, Đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký Đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong Thỏa thuận liên danh.			
3	Thời gian có Hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSMT.			
4	Có bản gốc bảo đảm dự thầu hợp lệ (về giá trị, thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng, người ký là đại diện hợp pháp của Tổ chức tín dụng trong nước hoặc Chi nhánh của Ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam).			
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là Nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh.			
6	Có bản gốc Thỏa thuận liên danh hợp lệ. Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong Bảng giá dự thầu.			
7	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 Chương I- Chi dẫn nhà thầu.			
8	Trong thời gian 03 năm trước thời điểm đóng thầu, Nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với Nhà thầu tại thời			

	điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho Nhà thầu đó trúng thầu. (Nhà thầu có văn bản/tài liệu cam kết đính kèm HSDT)			
	Kết luận			

***Đối với nhà thầu nộp HSDT qua hệ thống đấu thầu của BSR, Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của HSDT quy định như tại Phần 4 -Tiêu chí đánh giá điều chỉnh và hướng dẫn đối với hình thức nộp hồ sơ qua hệ thống.**

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm



2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

Các TCDG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” tất cả nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp một trong những nội dung dưới đây được đánh giá “Không đạt”/”Không đáp ứng” thì các nội dung còn lại sẽ không được xem xét.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Tài liệu kèm theo để chứng minh
2	Năng lực tài chính					
2.1	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 11 và đính kèm tài liệu chứng minh như hướng dẫn tại Biểu mẫu này
2.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 9,7 tỷ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trưng dương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 11 và đính kèm tài liệu chứng minh như hướng dẫn tại Biểu mẫu này



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá dịch vụ tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Tính chất tương tự: Hợp đồng cung cấp vật tư và thi công nội thất văn phòng. - Giá trị tối thiểu: 4,96 tỷ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 07 và đính kèm tài liệu chứng minh (Hợp đồng, Văn bản xác nhận hoàn thành/Biên bản nghiệm thu/thanh lý, hóa đơn...).
4	Sự cố an toàn lao động (LTI)	KHÔNG có tai nạn lao động làm người lao động bị thương từ mức nhẹ trở lên (Theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ) hoặc Tai nạn lao động gây mất ngày công lao động (LTI) trong 12 tháng của năm tài chính liên kế đến thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu	Giấy xác nhận của Cơ quan chức năng địa phương về An toàn lao động hoặc Báo cáo ATLD nội bộ của Đơn vị Dự thầu



Ghi chú:

Năm tài chính gần nhất được xác định phụ thuộc vào ngày phát hành HSMT. Trường hợp phát hành HSMT sau ngày 31/3 thì năm tài chính gần nhất là năm liền kề với năm có ngày đóng thầu. Trường hợp phát hành HSMT rơi vào ngày 31/3 và trước đó thì năm tài chính gần nhất không bao gồm năm liền kề với năm có ngày đóng thầu mà là năm trước năm liền kề với năm có ngày đóng thầu.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, Nhà thầu không phải nộp báo cáo tài chính nhưng phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu trong thời gian yêu cầu của HSMT.

Đối với Nhà thầu liên danh, mức yêu cầu đối với doanh thu trung bình hàng năm căn cứ vào giá trị (tương ứng khối lượng công việc) của từng thành viên đảm nhiệm theo Thỏa thuận liên danh.

Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu (nếu cần thiết). Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- ✓ Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- ✓ Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi theo tỷ giá bán của Vietcombank tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Áp dụng.

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:



STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ chuyên môn/trình độ
1	Chỉ huy trưởng công trình	01 người	- Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực thi công, lắp đặt nội thất. - Đã từng đảm nhận vị trí Chỉ huy trưởng (hoặc Giám đốc dự án) ít nhất 01 công trình/gói thầu thi công nội thất văn phòng có quy mô tương tự gói thầu này. - Có chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ chỉ huy trưởng công trình còn hiệu lực tối thiểu đến ngày có thời hạn đóng thầu.	Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp/Kiến trúc/Thiết kế nội thất kèm theo hợp đồng hoặc đơn đặt hàng hoặc biên bản nghiệm thu hoặc tài liệu khác có liên quan để chứng minh.
2	Cán bộ an toàn	01 người	- Đã tham gia tối thiểu 01 công trình/dự án với vai trò cán bộ quản lý an toàn trong thi công/hoàn thiện. - Giấy chứng nhận huấn luyện An toàn lao động, Vệ sinh lao động Nhóm 2 (theo quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP và Nghị định 140/2018/NĐ-CP) còn hiệu lực tối thiểu đến ngày có thời hạn đóng thầu.	Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Bảo hộ lao động/ Kỹ thuật môi trường/ Quản lý môi trường

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt theo các Mẫu 08, 09 và 10 Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.

Trường hợp HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận yêu cầu làm rõ từ Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị



coi là gian lận theo quy định của QCMS.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được xây dựng căn cứ Điều 30 QCMS và căn cứ các yêu cầu nêu ở Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp. Theo đó, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần cụ thể hóa các yêu cầu đối với gói thầu về kỹ thuật, công nghệ, môi trường, bảo hành bảo trì, tiêu chuẩn chất lượng... dựa trên đặc thù của gói thầu.

Tiêu chuẩn đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Các HSDT vượt qua bước đánh giá về năng lực và kinh nghiệm sẽ được tiếp tục đánh giá ở bước đánh giá kỹ thuật theo tiêu chí đạt/không đạt.

Cụ thể như sau:

Các TCDG về kỹ thuật của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” tất cả nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Trong trường hợp 01 tiêu chí được đánh giá Không Đạt thì các tiêu chí tiếp theo sẽ không được xem xét.

Các HSDT được đánh giá là Đạt tất cả các tiêu chí nêu bên dưới thì sẽ được đánh giá là ĐẠT về yêu cầu kỹ thuật:

TT	Nội dung đánh giá	Nội dung yêu cầu	Tiêu chí đánh giá	
			ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Phạm vi cung cấp	Chào đúng, đủ cho toàn bộ gói thầu Chương V – Yêu cầu về phạm vi cung cấp	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu
2	Công tác tổ chức thực hiện của Nhà thầu thể hiện trong HSDT			
2.1	Cung cấp sơ đồ tổ chức nhân sự	Cung cấp sơ đồ tổ chức nhân sự để thực hiện công việc: Bố trí đầy đủ và hợp lý các vị trí.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
2.2	Cung cấp sơ đồ Tổ chức công trường	- Có biện pháp huy động vật tư, thiết bị, nhân sự để đảm bảo tiến độ thi công theo yêu cầu; - Có biện pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, biện pháp thi công trong điều kiện cơ quan đang hoạt động.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
3	Yêu cầu biện pháp thi công/quản lý chất lượng thể hiện trong HSDT			
3.1	Biện pháp thi công	Nhà thầu có văn bản thể hiện biện pháp thi công có mô tả chi tiết các bước thực hiện công việc. Các biện pháp, phương tiện, dụng cụ sử dụng để thực hiện việc thi công phải khả thi, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và phạm vi công việc quy định tại Chương	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu

TT	Nội dung đánh giá	Nội dung yêu cầu	Tiêu chí đánh giá	
			ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		V – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.		
3.2	Đặc tính, thông số kỹ thuật của vật tư, hàng hóa	- Theo đúng yêu cầu chi tiết của từng hạng mục công việc và từng phần tại Chương V – Yêu cầu về phạm vi cung cấp - Danh mục hàng hóa chào thầu phải nêu rõ ràng đầy đủ: tên Nước, Nhà sản xuất, xuất xứ, kích thước, thông số kỹ thuật, mã ký hiệu vật tư hàng hóa, mã màu sản phẩm (model, serial hoặc Part number (P/N)) của từng danh mục hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả linh kiện, phụ kiện), có đính kèm tài liệu kỹ thuật (Data sheet/manual...) và Catalog nhà sản xuất cập nhật chất liệu, mã màu, mã sản phẩm cho từng hạng mục công việc của vật tư, hàng hóa; - Nhà thầu có thể chào hàng hóa tương đương của NSX khác và phải đảm bảo bằng hoặc tốt hơn hàng hóa yêu cầu trong HSMT kèm theo các tài liệu chứng minh về tính tương thích, tương đương về: Thông số kỹ thuật cốt lõi, có chứng nhận chất lượng, có cấu hình, chức năng, quy cách, tiêu chuẩn, các thông số mô tả kỹ thuật bằng hoặc cao hơn các vật tư, hàng hóa của HSMT thì mới được gọi là đáp ứng chủng loại để Bên mời thầu xem xét, đánh giá.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
3.3	Các phương án đảm bảo tiến độ, chất lượng thi công	Có mô tả các Phương án để đẩy nhanh tiến độ, bù tiến độ theo yêu cầu khi trễ tiến độ, biện pháp đảm bảo chất lượng trong quá trình đẩy nhanh tiến độ.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
3.4	Biện pháp quản lý, kiểm soát chất lượng trong quá trình thực hiện công việc (QA/QC)	Nhà thầu có trình bày biện pháp quản lý, kiểm soát chất lượng chung cho công việc theo yêu cầu tại Chương V – Yêu cầu về phạm vi cung cấp, cụ thể: - Nêu rõ ràng việc lựa chọn chủng loại vật liệu xây dựng cho gói thầu: nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ chất lượng của vật liệu cam kết sử dụng cho gói thầu; - Vật tư, hàng hóa cung cấp mới 100%, có kiểm định vật tư, hàng hóa của nhà sản xuất; - Có biện pháp kiểm soát tiếng ồn, mùi (sơn, keo) và bụi mịn bằng thiết bị chuyên dụng; cam kết các công tác gây	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu



TT	Nội dung đánh giá	Nội dung yêu cầu	Tiêu chí đánh giá	
			ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		ồn lớn/mùi nồng chỉ thực hiện ngoài giờ hành chính như: Thực hiện các công tác gây ồn (khoan, đục, cắt) và các công tác gây mùi (sơn, phun PU, dán keo) chỉ được thực hiện sau 18h00 hoặc vào ngày nghỉ. Hệ thống thông gió cưỡng bức phải được thiết lập khi thực hiện các công tác gây mùi. - Yêu cầu có nhà xưởng hoặc thỏa thuận hợp tác với xưởng nội thất. Nếu là thỏa thuận hợp tác thì phải còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu và có thể gia hạn để thực hiện gói thầu này. Yêu cầu tối thiểu đối với trang thiết bị của xưởng như sau: + Thiết bị chính: Máy cắt CNC trung tâm, máy khoan laser, máy dán cạnh thẳng, máy cưa bàn trượt, máy dán cạnh cong, máy dán cạnh vát 45⁰, máy ép thủy lực, máy bào thấm gỗ, máy bào cuộn; + Buồng sơn nước.		
3.5	Biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ.	- Có đề xuất biện pháp chung cho tất cả các hạng mục, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ, thi công không ảnh hưởng đến các hạng mục lân cận như các hệ thống, trang thiết bị hiện hữu; - Nhà thầu lên phương án chi tiết về biện pháp che chắn bụi, bụi mịn và công tác vệ sinh để đảm bảo không làm ảnh hưởng đến khu vực làm việc lân cận.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
4	Các yêu cầu khác được thể hiện trong HSDT			
4.1	Loại Hợp đồng	Trọn gói	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu
4.2	Thời gian thực hiện gói thầu, Tiến độ thi công và thời gian làm việc	- Thời gian thực hiện gói thầu: 111 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó: + Thời gian bàn giao mặt bằng: 01 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng; + Thời gian thực hiện dịch vụ: 80 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng; + Thời gian nghiệm thu dự kiến: 30 ngày. - Có bảng tiến độ thi công chi tiết, rõ ràng,	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu



TT	Nội dung đánh giá	Nội dung yêu cầu	Tiêu chí đánh giá	
			ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		biểu đồ nhân lực huy động phù hợp, đảm bảo hoàn thành công trình đúng thời hạn kể từ ngày ký hợp đồng.		
5	Nhà thầu có cam kết bằng văn bản thể hiện các nội dung sau:			
5.1	Bảo hành	- Thời gian bảo hành tối thiểu tính từ ngày nghiệm thu hoàn thành: + Nội thất rời, hạng mục gỗ, vách, ốp: 12 tháng; + Hệ thống điện, internet, điều hòa và các thiết bị khác: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Thời gian bảo hành được tính từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình; - Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí liên quan đến sửa chữa, thay thế, khắc phục sự cố phát sinh trong thời gian bảo hành.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
5.2	Cam kết huy động dịch vụ khi bảo hành	Nhà thầu phải cam kết huy động vật tư, nhân sự đến hiện trường xử lý, khắc phục khuyết tật trong vòng 24h kể từ khi nhận thông báo đối với các lỗi khẩn cấp gây ảnh hưởng trực tiếp đến vận hành (mất điện, rò rỉ nước, hỏng điều hòa) và 05 ngày làm việc đối với các lỗi thẩm mỹ/thông thường.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
5.3	Cam kết về thời gian, phương tiện làm việc	- Thời gian làm việc: từ 7 giờ 30 phút đến 22 giờ 00 phút, các ngày từ thứ hai đến Chủ nhật. Trong trường hợp nếu có yêu cầu làm việc ngoài khoảng thời gian nêu trên thì nhà thầu phải thông báo trước với Bên mời thầu ít nhất 02 ngày làm việc để có phương án hỗ trợ. - Phương tiện làm việc: nhà thầu tự trang bị phương tiện đi lại từ nơi ở đến nơi làm việc.	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
5.4	Cam kết khác	- Nhà thầu cam kết tuân thủ Nội quy của Ban Quản lý tòa nhà và đăng ký giấy phép (nếu có) với Ban Quản lý tòa nhà trước mỗi ca làm việc; - Vật tư tập kết về công trường phải theo đúng tiến độ từng tuần, không được tập kết tràn lan gây quá tải trọng sàn hoặc cản trở lối thoát hiểm của tòa nhà; - Vây chắn kín bằng bạt/nylon chuyên dụng tại khu vực thi công. Bố trí nhân sự thực hiện vệ sinh công nghiệp hàng ngày	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu



TT	Nội dung đánh giá	Nội dung yêu cầu	Tiêu chí đánh giá	
			ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		(trước 7h30 sáng mỗi ngày làm việc) tại khu vực sảnh thang máy và lối đi chung - Không sử dụng bếp nấu nướng tại hiện trường. Các công tác hàn cắt kim loại phải có thảm chống cháy (nếu cần thiết), bố trí bình chữa cháy tại chỗ. - Nhà thầu chỉ được sử dụng thang máy theo khung giờ quy định của Ban Quản lý tòa nhà. Mọi hư hỏng đối với hạ tầng tòa nhà (sàn sảnh, vách thang máy, hệ thống PCCC chung) do quá trình vận chuyển gây ra, Nhà thầu chịu trách nhiệm đền bù 100% chi phí khắc phục. - Nhân sự chủ chốt (Chỉ huy trưởng, Cán bộ an toàn) phải có mặt tại hiện trường 100% thời gian thi công. Việc thay đổi nhân sự phải được BSR chấp thuận bằng văn bản trước ít nhất 03 ngày làm việc và nhân sự thay thế phải có năng lực bằng hoặc cao hơn. - Tại mọi thời điểm trong quá trình thực hiện gói thầu, các nhân sự chủ chốt luôn có chứng nhận còn hiệu lực, phù hợp với vị trí công việc đảm nhận.		

Ghi chú: Nhà thầu cần có thể hiện những thông tin tiêu chí nêu trên trong HSDT hoặc Nhà thầu có văn bản/tài liệu/cam kết đính kèm HSDT đối với tất cả các tiêu chí trên.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính (để xếp hạng Nhà thầu)

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất được thực hiện theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu.

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại khoản 1 Mục 31 CDNT).

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại khoản 2 Mục 31 CDNT).

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có).

Bước 5. Xếp hạng Nhà thầu:

HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.



Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 01. Đơn dự thầu.

Mẫu số 02. Giấy ủy quyền.

Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh.

Mẫu số 04 (a). Bảo lãnh dự thầu áp dụng đối với Nhà thầu độc lập.

Mẫu số 04 (b). Bảo lãnh dự thầu áp dụng đối với Nhà thầu liên danh.

Mẫu số 05. Bảng tổng hợp giá dự thầu.

Mẫu số 05 (a). Bảng giá dự thầu cho hàng hoá sản xuất, gia công trong nước

Mẫu số 05 (b). Bảng giá dự thầu của hàng hoá sản xuất, gia công ngoài nước

Mẫu số 05 (c). Bảng giá dự thầu của hàng hoá sản xuất, gia công ngoài nước đã nhập khẩu và đang được chào bán ở Việt Nam

Mẫu số 05 (d). Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (nếu có)

Mẫu số 06 (a). Bản kê khai thông tin về Nhà thầu.

Mẫu số 06 (b). Bản kê khai thông tin về các thành viên của Nhà thầu liên danh

Mẫu số 07. Hợp đồng tương tự do Nhà thầu đã thực hiện.

Mẫu số 08. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt.

Mẫu số 09. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt.

Mẫu số 10. Bảng kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự chủ chốt.

Mẫu số 11. Tình hình tài chính của Nhà thầu.

Mẫu số 12. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ

Mẫu số 13. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt



ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày:___[ghi ngày tháng năm ký Đơn dự thầu]

Tên gói thầu:___[ghi tên gói thầu theo Hồ sơ mời thầu]

Thư mời thầu số:___[ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế]

Kính gửi:___[ghi tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ mời thầu số ___[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___[ghi tên Nhà thầu độc lập/ tên của Nhà thầu liên danh theo Thỏa thuận liên danh], cam kết thực hiện gói thầu ___[ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời thầu với giá dự thầu là ___[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] ⁽²⁾ cùng với Bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo .

Thời gian thực hiện gói thầu là ___[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc của gói thầu quy định tại Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp] ⁽³⁾ .

Loại hợp đồng: ___[ghi theo yêu cầu HSMT].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ dự thầu này với tư cách là Nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của QCMS.
4. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu Hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38. Chỉ dẫn Nhà thầu của Hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ___ ⁽⁴⁾ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___ ⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

(Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh theo Thỏa thuận liên danh) ⁽⁶⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác về tên của gói thầu, tên của Bên mời thầu, tên của Nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của



Nhà thầu ký tên, đóng dấu, nếu có.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì Nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần

Trường hợp Nhà thầu có giảm giá đề xuất riêng trong Thư giảm giá.

(3) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ hoàn thành nêu trong HSDT, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên ký biên bản nghiệm thu cuối cùng xác nhận Nhà thầu đã hoàn thành các công việc trong hợp đồng,, không bao gồm nghĩa vụ bảo hành (nếu có).

(4) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 1 ngày.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại khoản 1 Mục 21. **BDL**.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu 02 Chương này; trường hợp tại Điều lệ Công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp Nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký Đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền để ký Thỏa thuận liên danh thì thực hiện như đối với Nhà thầu độc lập. Nếu Nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, Nhà thầu phải trình Bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Nhà thầu bị coi là vi phạm và bị xử lý theo Mục 3 CDNT.

(7) Trường hợp Nhà thầu nộp HSDT theo hình thức trực tiếp, Nhà thầu phải nộp bản gốc Đơn dự thầu kèm theo HSDT. Đơn dự thầu phải được lập theo đúng Mẫu quy định trong HSMT (**Mẫu số 01**), và phải được ký tên, đóng dấu (nếu có) bởi Người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu hoặc người được ủy quyền.



GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số Căn cước/ CCCD, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên Nhà thầu/ tên Công ty nếu là thành viên liên danh] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của Nhà thầu/ của Công ty nếu là thành viên liên danh], bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số Căn cước/ CCCD, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] do ____ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký Đơn dự thầu;

- Ký Thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Bên mời thầu nếu được lựa chọn⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên Nhà thầu/ tên của Công ty nếu là thành viên liên danh]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu/ tên của Công ty nếu là thành viên liên danh] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
Nhà thầu/ của Công ty nếu là thành viên
liên danh, chức danh, ký tên và đóng dấu/
nếu có]]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải có trong HSDT cùng với Đơn dự thầu theo quy định tại khoản 3 Mục 19 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện



theo pháp luật của Nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Trong giấy ủy quyền cần xác định việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền là dấu của Nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.



THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày . tháng . năm _____

Gói thầu: _____[ghi tên gói thầu]

Căn cứ Hồ sơ mời thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____[ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký Thỏa thuận liên danh tham dự thầu, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____[ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết Thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____[ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____[ghi



tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà thầu liên danh có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận ¹	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	Giá dự thầu/100%

(1) Chỉ phân chia theo công việc chính của gói thầu quy định tại Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Điều 3. Hiệu lực của Thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Gói thầu ____ [Ghi chính xác tên gói thầu] bị hủy theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ ____ bản.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỪNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung Thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà Nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(4) Trường hợp Nhà thầu nộp HSDT theo hình thức trực tiếp cho Bên mời thầu, Nhà thầu phải nộp kèm **bản gốc** Thỏa thuận liên danh kèm theo HSDT.

Thỏa thuận liên danh phải được ký tên đầy đủ bởi tất cả các thành viên trong liên danh và đóng dấu (nếu có) của từng thành viên.



BẢO LÃNH DỰ THẦU ⁽¹⁾

(áp dụng đối với Nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ____ [ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [ghi ngày, tháng, năm]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ____ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] theo Thư mời thầu/ Thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/ Thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [ghi bằng số, bằng chữ và đồng tiền].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng số, bằng chữ và đồng tiền] khi nhận được văn bản thông báo Nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT.

2. Nhà thầu vi phạm QCMS dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Mục 33 CDNT.

3. Nhà thầu trúng thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 CDNT.

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến hoàn thiện Hợp đồng của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện Hợp đồng nhưng từ chối ký kết Biên bản hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhà thầu không ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo trúng thầu của Bên mời thầu kể từ ngày kết thúc hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả



kháng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo quy định trong Hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- (2) Ghi theo quy định tại khoản 2 Mục 18 **BDL**.
- (3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại khoản 1 Mục 21 **BDL**.



BẢO LÃNH DỰ THẦU ⁽¹⁾

(áp dụng đối với Nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng:____[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh:____[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:____[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh:____[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên Nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] theo Thư mời thầu/ Thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/ Thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [ghi bằng số, bằng chữ và đồng tiền].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là ... ____ [ghi bằng số, bằng chữ và đồng tiền] khi nhận được văn bản thông báo Nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT.

2. Nhà thầu vi phạm QCMS dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Mục 33 CDNT.

3. Nhà thầu trúng thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 CDNT.

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến hoàn thiện Hợp đồng của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện Hợp đồng nhưng từ chối ký kết Biên bản hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhà thầu không ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo trúng thầu của Bên mời thầu kể từ ngày kết thúc hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ [ghi đầy đủ tên của Nhà thầu liên danh] vi phạm quy định đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 Chỉ dẫn Nhà thầu của Hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.



Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên Nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của Nhà thầu liên danh, ví dụ Nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên Nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ Nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu, trường hợp trong Thỏa thuận liên danh phân công cho thành viên A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên Nhà thầu được ghi là ...*[ghi tên thành viên A]* (thay mặt cho Nhà thầu liên danh A + B).

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại khoản 2 Mục 18 **BDL**.

(4) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại khoản 1 Mục 21 **BDL**.



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang Đơn dự thầu)	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu
(Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh
theo Thỏa thuận liên danh)
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO HÀNG HÓA SẢN XUẤT, GIA CÔNG TRONG NƯỚC

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu- Mẫu số 05)</i>						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

(Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh theo

Thỏa thuận liên danh)

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) do nhà thầu ghi phù hợp với quy định tại Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp; các cột (5), (6), (7) do Nhà thầu điền.

Đơn giá dự thầu tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Bên mời thầu, bao gồm chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, Nhà thầu chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày đóng thầu theo quy định. Trường hợp Nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại.

Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, tổng giá trị về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng Nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu, giá trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị về thuế, phí, lệ phí (nếu có).



**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO HÀNG HÓA SẢN XUẤT, GIA CÔNG
NGOÀI NƯỚC**

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4x6)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)
1	Hàng hoá thứ 1					A1	T1
2	Hàng hoá thứ 2					A2	T2
							
n	Hàng hoá thứ n					An	Tn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						A=A1+A2+...+An	
Tổng cộng giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có)							T=T1+T2+...+Tn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu – Mẫu số 05)						M₁=A+T	

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu
(Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh
theo Thỏa thuận liên danh)
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) nhà thầu ghi phù hợp với quy định tại Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Các cột (5), (6), (7), (8) do Nhà thầu điền. Nhà thầu chào đơn giá dự thầu tại cột (6) theo quy định tại khoản 2 Mục 13 CDNT, bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Bên mời thầu, không bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có)



tại cột (8) và không bao gồm chi phí của các dịch vụ liên quan tại Mẫu số 5(d).

Cột (8) bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày đóng thầu theo quy định. Trường hợp Nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí theo yêu cầu của HSMT thì HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại.

Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, tổng giá trị về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng Nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu, giá trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị về thuế, phí, lệ phí (nếu có).



**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO HÀNG HÓA SẢN XUẤT, GIA CÔNG NGOÀI NƯỚC
ĐÃ NHẬP KHẨU VÀ ĐANG ĐƯỢC CHÀO BÁN TẠI VIỆT NAM**

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4x6)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)
1	Hàng hoá thứ 1					A1	T1
2	Hàng hoá thứ 2					A2	T2
							
n	Hàng hoá thứ n					An	Tn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						A=A1+A2+...+An	
Tổng cộng giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có)							T=T1+T2+...+Tn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu- Mẫu số 05)						M₂=A+T	

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu
(Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh theo
Thỏa thuận liên danh)
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) nhà thầu ghi phù hợp với quy định tại Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp. Các cột (5), (6), (7), (8) do Nhà thầu điền. Đơn giá dự thầu tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Bên mời thầu.

Cột (8) bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp Nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại.

Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, tổng giá trị về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng Nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu, giá trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị về thuế, phí, lệ phí (nếu có).



BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN (nếu có)

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu- Mẫu số 05)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu
(Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh theo Thỏa thuận liên danh)
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) do nhà thầu ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan (nếu có) quy định tại Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Các cột (7) và cột (8) do Nhà thầu điền.



BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên Nhà thầu:___ <i>[ghi tên Nhà thầu độc lập hoặc Nhà thầu liên danh]</i>
<i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>
Nơi Nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:___ <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động, trường hợp là Nhà thầu liên danh thì ghi cho thành viên đứng đầu]</i>
Năm thành lập công ty:___ <i>[ghi năm thành lập công ty, trường hợp là Nhà thầu liên danh thì ghi cho thành viên đứng đầu]</i>
Địa chỉ hợp pháp của Nhà thầu <i>(theo đăng ký hoạt động)</i> :_..... <i>[trường hợp là Nhà thầu liên danh thì ghi cho thành viên đứng đầu]</i>
Thông tin về đại diện hợp pháp của Nhà thầu <i>[trường hợp là Nhà thầu liên danh thì ghi cho thành viên đứng đầu]</i> Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
Ghi chú: 1. Kèm theo bản kê khai nêu trên, cần cung cấp bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nước mà Nhà thầu đang hoạt động. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của Nhà thầu <i>[trường hợp là Nhà thầu liên danh thì chỉ cho thành viên đứng đầu]</i> .



**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA
NHÀ THẦU LIÊN DANH**

Ngày: _____
Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên Nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của liên danh <i>[trừ thành viên đứng đầu]</i> :
Quốc gia nơi đăng ký công ty là thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty là thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ e-mail: _____
Ghi chú: 1. Kèm theo bản kê khai nêu trên, cần cung cấp bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nước mà Nhà thầu đang hoạt động. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức.



HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên Nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của Nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng và giá thanh toán theo Hợp đồng	[ghi giá trị và đồng tiền]		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà Nhà thầu đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên Chủ đầu tư, Bên mua	[ghi tên của Chủ đầu tư, Bên mua trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư, Bên mua]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT⁽²⁾.			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]		
3. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện (3)	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
4. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
5. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các



hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư, Bên mua về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên, Biên bản nghiệm thu/thanh lý hợp đồng/hóa đơn theo quy định của pháp luật...).

Ghi chú:

(1) Hợp đồng tương tự đã thực hiện là Hợp đồng đã hoàn thành, được nghiệm thu.

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.



BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai các nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu, bảo đảm khi ký hợp đồng (nếu được trúng thầu) không có nhân sự đã và đang huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên
....	Vị trí công việc
	Tên



BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan.

Vị trí		
Thông tin nhân sự	Tên	Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động	
	Điện thoại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)
	Fax	E-mail
	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại



BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu. Kê khai theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước.

Từ	Đến	Công ty/Dự án/Chức vụ/Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Tên Nhà thầu *[độc lập hoặc liên danh]*: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của Nhà thầu liên danh *[trường hợp là Nhà thầu liên danh]*:

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm ⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			



Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất⁽⁴⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của Nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là Nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với Nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và-kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc Nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ thuế;
- Báo cáo tài chính được kiểm toán;
- Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(1) Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

(3) Doanh thu bình quân hàng năm được xác định bằng cách lấy tổng doanh thu của các năm chia cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.



PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên Nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với Nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp Nhà thầu không sử dụng Nhà thầu phụ thì không phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên Nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của Nhà thầu phụ thì chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”, “khối lượng công việc”, “giá trị ước tính”. Trường hợp được lựa chọn trúng thầu thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Bên mời thầu.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho Nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà Nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, nếu có và nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.



PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT ⁽¹⁾

STT	Tên Nhà thầu phụ đặc biệt	Phạm vi công việc ⁽¹⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với Nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Chỉ sử dụng khi trong HSMT cho phép sử dụng Nhà thầu phụ đặc biệt theo quy định tại Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp. Trường hợp Nhà thầu chính sử dụng Nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu phụ đặc biệt sẽ được Bên mời thầu đánh giá về Năng lực, Kinh nghiệm theo quy định tại Chương 3. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.



Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa, dịch vụ

- Cung cấp Dịch vụ trọn gói trang bị và thi công nội thất văn phòng chi nhánh Trung tâm Đổi mới sáng tạo BSR tại Đà Nẵng.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Hoàn thiện và cung cấp đồng bộ toàn bộ nội thất văn phòng theo đúng:
 - + Hồ sơ/bản vẽ thiết kế: Hồ sơ triển khai kỹ thuật thi công hạng mục nội thất; hồ sơ Bản vẽ điện nước; hồ sơ Concept design proposal và các phụ lục I.01 (Hoàn thiện thô cơ bản); phụ lục I.02 (Thiết bị/Vật tư ME); phụ lục I.03 (Đèn chiếu sáng); phụ lục I.04 (ĐHKK); phụ lục II.01 (Nội thất); phụ lục II.02 (Nội thất-Tiêu chuẩn kỹ thuật vật liệu) đính kèm;
 - + Các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định hiện hành.
- Đảm bảo công năng sử dụng, tính thẩm mỹ, độ bền, an toàn và phù hợp với môi trường làm việc sáng tạo;
- Trang bị đầy đủ nội thất phục vụ vận hành ổn định cho Chi nhánh Trung tâm Đổi mới sáng tạo BSR tại Đà Nẵng.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Dịch vụ được thực hiện theo hình thức trọn gói, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

2.2.1. Thi công và hoàn thiện nội thất cố định

a) Khảo sát và lập biện pháp thi công

- Khảo sát hiện trạng mặt bằng, điều kiện kỹ thuật liên quan;
- Lập biện pháp thi công, tiến độ thi công chi tiết theo từng giai đoạn/tuần.

b) Thi công hoàn thiện nội thất

- Thi công, hoàn thiện theo đúng các bản vẽ thiết kế và các phụ lục đính kèm, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - + Hệ trần trang trí, trần thạch cao, trần giạt cấp;
 - + Vách ngăn, ốp tường, cửa và phụ kiện đồng bộ;
 - + Hệ thống sàn;



- + Sơn bả hoàn thiện;
- + Decor, branding, bảng hiệu và trang trí nội thất;
- + Hệ thống cửa, tay nắm và phụ kiện đồng bộ;
- + Gia công, lắp đặt đồ nội thất theo thiết kế;
- + Các hạng mục khác theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

c) Hệ thống phụ trợ

- Thi công, hoàn thiện theo đúng các bản vẽ thiết kế và phụ lục đính kèm, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - + Hệ thống điện chiếu sáng, ổ cắm, đèn trang trí;
 - + Hệ thống mạng, ổ cắm thoại/mạng đi âm tường/trần;
 - + Hệ thống đèn LED âm trần, giạt cáp;
 - + Các hệ thống phụ trợ khác theo thiết kế.

2.2.2.Thi công, cung cấp và trang bị nội thất rời

a) Thi công và cung cấp nội thất

- Gia công và cung cấp vật tư, trang thiết bị, nội thất theo đúng các bản vẽ và phụ lục đính kèm.

b) Trang bị nội thất rời

- Căn cứ bảng thống kê vật dụng nội thất trong bản vẽ và phụ lục II.01 (Nội thất); phụ lục II.02 (Nội thất-Tiêu chuẩn kỹ thuật vật liệu) đính kèm:
 - + Bàn làm việc, ghế, tủ hồ sơ;
 - + Bàn họp, ghế họp;
 - + Bàn lễ tân, backdrop;
 - + Sofa, bàn trà;
 - + Hệ kệ trưng bày, module sáng tạo;
 - + Các thiết bị trang trí và công năng khác theo bản vẽ và phụ lục.

c) Hệ thống phụ trợ

- Cung cấp và lắp đặt đầy đủ các hệ thống phụ trợ, tuân thủ bản vẽ và phụ lục được phê duyệt, bao gồm:
 - + Vật tư thiết bị điện;
 - + Vật tư, thiết bị nước;
 - + Hệ thống đèn chiếu sáng;



- + Hệ thống điều hòa không khí và thiết bị phụ trợ;
- + Các thiết bị phụ trợ khác theo nhu cầu sử dụng.

2.2.3. Yêu cầu kỹ thuật chung

- Tuân thủ hồ sơ thiết kế:
 - + Thi công đúng chủng loại vật liệu, màu sắc, kích thước, thông số kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế và các phụ lục đã được phê duyệt;
 - + Mọi thay đổi vật liệu hoặc giải pháp kỹ thuật phải được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi triển khai.
- Yêu cầu về vật liệu:
 - + Vật liệu sử dụng phải tuân thủ yêu cầu tại hồ sơ thiết kế và phụ lục đính kèm;
 - + Ưu tiên vật liệu thân thiện môi trường, hạn chế phát thải VOC;
 - + Các vật liệu gỗ, vách, trần phải đáp ứng quy định về chống cháy/chậm cháy theo tiêu chuẩn hiện hành.
- Yêu cầu về thi công:
 - + Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định và hồ sơ thiết kế;
 - + Bề mặt hoàn thiện phẳng, sạch, không cong vênh, nứt vỡ;
 - + Liên kết chắc chắn, thẩm mỹ, hạn chế tối đa lộ chi tiết kỹ thuật (ưu tiên giải pháp ẩn);
 - + Hệ thống điện, mạng đi âm theo tiêu chuẩn, có đánh số và nhãn nhận dạng đầu dây đầy đủ, đồng thời phải lập bản vẽ hoàn công khi bàn giao;
 - + Đảm bảo thi công đồng bộ giữa các hạng mục để đáp ứng tiến độ triển khai chung.

2.3. Các yêu cầu khác, nếu có

Vệ sinh công nghiệp và bàn giao:

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện vệ sinh công nghiệp trong quá trình thi công và sau khi hoàn thành, đồng thời chuẩn bị và bàn giao đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định, bao gồm:

- Bản vẽ hoàn công;
- Biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị;
- Biên bản nghiệm thu từng hạng mục;



- Hồ sơ CO, CQ;
- Tài liệu bảo hành, bảo trì;
- Quy trình vận hành và hướng dẫn sử dụng (nếu có).

2.4. Tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện dự kiến: 80 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng;
- Nhà thầu lập và trình tiến độ chi tiết theo tuần/giai đoạn;
- Các mốc kiểm soát tối thiểu:
 - + Hoàn thành khảo sát và biện pháp thi công;
 - + Hoàn thành thi công phần thô nội thất;
 - + Hoàn thành hệ thống phụ trợ;
 - + Hoàn thiện, vệ sinh và bàn giao.

2.5. Yêu cầu bảo hành

- Thời gian bảo hành tối thiểu:
 - + Nội thất rời, hạng mục gỗ, vách, ốp: 12 tháng;
 - + Hệ thống điện, mạng, điều hòa và các thiết bị khác: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Thời gian bảo hành được tính từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình;
- Nhà thầu chịu toàn bộ chi phí liên quan đến sửa chữa, thay thế, khắc phục sự cố phát sinh trong thời gian bảo hành.

Mục 3. Bản vẽ và phụ lục

Danh mục bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công và các phụ lục:

Bản vẽ	Tên	Mục đích sử dụng
I-001 đến I-499	Trình bày tại bộ Hồ sơ triển khai kỹ thuật thi công hạng mục nội thất đính kèm HSMT.	Hướng dẫn thi công chi tiết và đầy đủ hạng mục nội thất
ME-001 đến ME-501	Trình bày tại bộ hồ sơ Bản vẽ điện nước đính kèm HSMT.	Hướng dẫn thi công chi tiết và đầy đủ hạng mục ME
Bản vẽ phối cảnh 3D	Trình bày tại bộ hồ sơ Concept design proposal đính kèm HSMT.	Thiết kế tổng thể
Phụ lục I.01	Hoàn thiện thô cơ bản	Mô tả quy cách, chất

Phụ lục I.02	Thiết bị / Vật tư ME	liệu, yêu cầu kỹ thuật đối với từng hạng mục nội thất, điện nước.
Phụ lục I.03	Đèn chiếu sáng	
Phụ lục I.04	ĐHKK	
Phụ lục II.01	Nội thất	
Phụ lục II.02	Nội thất-Tiêu chuẩn kỹ thuật vật liệu	



PHỤ LỤC I.01
HẠNG MỤC: HOÀN THIỆN THÔ CƠ BẢN

STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
	HOÀN THIỆN THÔ							
I	Công tác sàn							
1	Sàn gỗ toàn VP				Sàn gỗ công nghiệp lát thẳng, dày 12 mm, thương hiệu Swiss Krono, quy cách 1380 × 191 × 12 mm, mã màu theo thiết kế được duyệt; lớp cốt HDF chịu ẩm (mật độ ≥850 kg/m³), bề mặt AC5 chống trầy xước, hèm khóa tiêu chuẩn; bao gồm foam PE ≥2mm xốp trắng lót sàn, phụ kiện cần thiết và nhân công thi công hoàn thiện. Tỷ lệ hao hụt tính 10%.	m2	519.26	
	* Sảnh chính	68500					245.00	
	* P. làm việc lãnh đạo	20500					24.50	
	* P. làm việc Giám đốc	20500					22.85	
	* P. làm việc P. Giám đốc	19000					17.50	
	* P. Làm việc Chủ tịch	31200					56.70	



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
	* P. Hộp lớn	38600					90.20	
	* P. Kỹ thuật	15300					15.30	
2	Nẹp kết thúc				Nẹp hợp kim, màu Crome	md	4.20	
3	Len chân tường				Không sử dụng len chân tường	md	0.00	
II	Công tác trần							
4	Trần thạch cao toàn nhà				Trần thạch cao khung xương chìm Vĩnh Tường TIKKA hoặc tương đương, thép mạ kẽm $\geq$ AZ100; thanh chính $\geq 0,55$ mm, thanh phụ $\geq 0,45$ mm, khoảng cách thanh phụ ≤ 400 mm; tấm thạch cao Gyproc 9 mm hoặc tương đương (1220×2440 mm); hệ ty treo M6–M8; bao gồm vít chuyên dụng, băng keo xử lý mối nối, bột xử lý mối nối, bả hoàn thiện, thi công trần phẳng/giật cấp theo bản vẽ thiết kế; bao gồm nhân công và vật tư hoàn thiện	m2	472.05	
	* Sảnh chính	68500					245.00	



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
	* P. làm việc lãnh đạo	20500					24.50	
	* P. làm việc Giám đốc	20500					22.85	
	* P. làm việc P. Giám đốc	19000					17.50	
	* P. Làm việc Chủ tịch	31200					56.70	
	* P. Họp lớn	38600					90.20	
	* P. Kỹ thuật	15300					15.30	
5	Xử lý keo trít vị trí nổi tấm				Sử dụng keo gốc thạch cao Vĩnh Tường	m2	703.84	Tính theo diện tích thạch cao
5	Thanh Shadowlight	213600			Vĩnh Tường	md	213.60	
7	Lỗ thăm trần	600		600	Vĩnh Tường	cái	8.00	



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
8	Sơn trần toàn nhà				Sơn trần hoàn thiện hệ sơn Mykolor , gồm 02 lớp bột trét nội thất, 01 lớp sơn lót chống kiềm, 02 lớp sơn phủ Mykolor Grand Opal Feel; bao gồm vật tư và nhân công thi công hoàn thiện	m2	472.05	
9	Trần Xuyên sáng				Trần xuyên sáng hoàn thiện, gồm khung xương chìm thép mạ kẽm/nhôm định hình, khung viền nhôm chuyên dụng, màng căng xuyên sáng PVC màu trắng opal, hệ đèn LED ánh sáng trắng 6.000K–6.500K xuất xứ Hàn Quốc, driver đồng bộ, phụ kiện lắp đặt đầy đủ; thi công hoàn thiện theo hồ sơ thiết kế, bảo đảm bề mặt phẳng, ánh sáng đều, không lộ điểm LED. Đơn giá bao gồm vật tư, nhân công, lắp đặt và chạy thử hoàn chỉnh.	m2	4.50	
III	Công tác tường/ vách							
10	Vách kính ngăn chia không gian				Vách kính cố định khung nhôm Xingfa hệ 55 tem đỏ Quảng Đông, độ dày nhôm 2,0 mm, kính cường lực 10 mm, dán decal mờ; bao gồm khung nhôm (sơn tĩnh điện hoặc anodized theo màu thiết kế, Liên kết bằng ke góc + vít inox chuyên dụng), kính, gioăng EPDM, keo silicone, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện.	m2	50.06	Chia khổ để phù hợp với hiện trạng và vận chuyển thang máy
	* Phòng lãnh đạo	3480		2900			10.09	



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
	* Phòng Giám đốc	2818		2900			8.17	
	* Phòng Chủ tịch	8965		2900			26.00	
	* Phòng P. Giám đốc	5000		2900			14.50	
	* Trừ cửa	-900		2900			-2.61	
		-900		2900			-2.61	
		-1200		2900			-3.48	



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
11	Vách ngăn thạch cao				Vách ngăn thạch cao khung Vĩnh Tường gia cố, bông thủy tinh tiêu âm; ốp tấm Gyproc 12 mm hai mặt, xử lý mối nối và bả hoàn thiện; bao gồm khung xương (thép mạ kẽm, độ dày thép $\geq 0,55$ mm, thang đứng C75, thang ngang U75, khoảng cách thanh đứng ≤ 600 mm), bông tiêu âm Glasswool (quy cách: Quy cách: dày 50 mm, khối lượng riêng 12 kg/m ³ , kích thước tấm 0,3 × 1,2 m, loại không bạc (không phủ aluminum foil)), tấm thạch cao, phụ kiện và nhân công lắp đặt.	m2	115.90	không sơn nước
	* Phòng họp lớn	7550		2900			21.90	
		10470		2900			30.36	
	* Phòng Kỹ thuật	4572		2900			13.26	
		3752		2900			10.88	
	* Phòng Giám đốc	6810		2900			19.75	
		6810		2900			19.75	



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
IV	Công tác đi điện							
12	Nhân công đi điện toàn Văn phòng				Nhân công đục/ trám, kéo đường điện/ mạng âm. Đầu nối Thiết bị chiếu sáng Không bao gồm đầu nối vận hành máy móc, điện nhẹ, ĐHKK và PCCC	m2	472.05	
13	Vật tư ME				Tham khảo phụ lục I.02	tg	1.00	
14	Đèn chiếu sáng				Tham khảo phụ lục I.03	tg	1.00	
15	DHKK				Tham khảo phụ lục I.04	tg	1.00	
	Hệ thống PCCC				Giữ nguyên hiện trạng			
V	Công tác khác							
16	Vệ sinh công trình và xà bần				Vệ sinh toàn bộ không gian định kỳ trong quá trình thi công và sau thi công	tg	1.00	
17	vận chuyển lên cao				Nhân công vận chuyển	tg	1.00	



PHỤ LỤC I.02
HẠNG MỤC: THIẾT BỊ/ VẬT TƯ ME

STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
	THIẾT BỊ ME							
II	Vật tư thiết bị điện							
1	Tủ điện Kim loại có đèn pha				Tủ điện kim loại có đèn pha, kích thước 400×600×200 mm, vỏ tủ bằng thép tấm cán nguội dày ≥1,2 mm, gia công chấn gấp, sơn tĩnh điện hoàn thiện, cửa tủ có khóa chuyên dụng, bản lề, gioăng cao su chống bụi, bên trong có tấm lắp thiết bị; tích hợp đèn pha LED ánh sáng trắng công suất 30W–50W, IP65, phụ kiện lắp đặt đầy đủ; bao gồm vật tư, gia công, lắp ráp, nhân công lắp đặt và hoàn thiện.	cái	1.00	
2	Đồng hồ đa năng đo điện năng				Đồng hồ đa năng kỹ thuật số – Điện áp nguồn cấp 230V – Nhiệt độ hoạt động: -100...+550 – Đo giá trị 3 pha hoặc 1 pha các thông số: I, U, F, P, Q,S, PF, KWh, KVAh – Đo tổng phần trăm sóng hài (TDH) của dòng và áp – Cấp độ chính xác 0.5% với dòng và áp, Class 1 với Kwh – Màn hình LCD 5 dòng, có thể điều chỉnh độ sáng	cái	1.00	

STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
3	Aptomat				Panosonic	tg	1.00	
	* MCB 3P-63A-10KA				Panosonic	cái	1.00	
	* MCB 2P-16A-6KA				Panosonic	cái	1.00	
	* MCB 1P-16A-6KA				Panosonic	cái	4.00	
	* MCB 2P - 10A-6KA				Panosonic	cái	1.00	
	* MCB 1P- 10A-6KA				Panosonic	cái	1.00	
	* RCBO 2P- 40A-6KA-30MA				Panosonic	cái	2.00	
	* RCBO 2P- 32A-6KA-30MA				Panosonic	cái	2.00	
	* RCBO 2P- 25A-6KA-30MA				Panosonic	cái	1.00	



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
12	Mặt công tắc đơn				Mặt vuông, Panasonic - Dòng Minerva, màu xám	cái	3.00	
13	Mặt công tắc đôi				Mặt vuông, Panasonic - Dòng Minerva, màu xám	cái	8.00	
14	Mặt công tắc ba				Mặt vuông, Panasonic - Dòng Minerva, màu xám	cái	8.00	
15	Hạt công tắc 1 chiều				Mặt vuông, Panasonic - Dòng Minerva, màu xám	cái	43.00	
16	Ổ cắm đôi 3 cực				Mặt vuông, Panasonic - Dòng Minerva, màu xám	cái	37.00	
17	Dây điện + ống điện					tg	1.00	
	* Dây điện CU/PVC 1C - 1.5mm2				Cadivi	md	2400.00	
	* Dây điện CU/PVC 1C - 2.5mm2				Cadivi	md	630.00	



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
	* Dây điện CU/PVC 1C - 4.0mm2				Cadivi	md	910.00	
	* Dây điện CU/PVC 1C - 6.0mm2				Cadivi	md	845.00	
	* Dây điện CU/PVC 1C - 8.0mm2				Cadivi	md	195.00	
	* Dây điện CU/PVC 1C - 16mm2				Cadivi	md	13.50	
	* Dây điện CU/XLPE/PVC 1X (4C-16)MM2				Cadivi	md	13.50	
	* Ống luồn dây điện ruột gà D16				Sino	md	280.00	
	* Ống luồn dây điện ruột gà D20				Sino	md	42.00	
	* Ống luồn dây điện SP D20				Sino	md	350.00	



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
	* Ống luồn dây điện SP D25				Sino	md	350.00	
	* Ống luồn dây điện SP D32				Sino	md	65.00	
	* Đế âm tường 50x100				Sino	cái	65.00	
	* Đế âm tường 100x100				Sino	cái	100.00	
32	Vật tư phụ (cùm, keo, silicon,...)					tg	1.00	
III	Vật tư, thiết bị nước							



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
33	Bơm nước thải + phụ kiện				Máy bơm nghiền đẩy chất thải bồn cầu, máy xử lý thải bồn cầu loại đa năng THÔNG SỐ KỸ THUẬT - Công suất: 500w - Nguồn điện áp: 220v-240v/50hz - Lực đẩy theo phương thẳng đứng tối đa 8m - Lực đẩy theo phương ngang (chiều dài) tối đa 80m - Nhiệt độ chất lỏng: Dưới 65 độ c - Tốc độ quay: 2800 vòng/ phút - Lưu lượng xả thải: 145L/phút - Khối lượng tịnh: 7kg - Nhiệt độ môi trường lắp đặt vận hành: 4-60 độ	bộ	1.00	
34	Vật tư ống nước				Ống nhựa Bình Minh, PN6	tg	1.00	
	* Ống PVC D25				Bình Minh PN6	md	32.00	
	* Ống PVC D42				Bình Minh PN6	md	32.00	
	* Van đồng D25				Bình Minh	cái	1.00	
	* Cut 90 D25				Bình Minh	cái	4.00	
	* Cut 90 D42				Bình Minh	cái	4.00	



STT	HẠNG MỤC	Kích thước (mm)			Chất liệu/ Miêu tả sản phẩm	ĐVT	SL	GHI CHÚ
		D	S	C				
	* Van 1 chiều D42				Bình Minh	cái	1.00	
	* Cut 90 ren trong D25				Bình Minh	cái	1.00	
42	Vật tư phụ (cùm, keo, silicon,...)					tg	1.00	



PHỤ LỤC I.03
HẠNG MỤC: ĐÈN CHIẾU SÁNG

STT	Mã Hàng	Hình Ảnh	Thông Số Kỹ Thuật	Thông Số Ánh Sáng	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Kumo KM7510O		10W, 750lm, âm trần Kumo - Góc chiếu: 38° - Kích thước đèn: Ø82*H53mm. - Kích thước lỗ khoét: Ø75mm. - Màu choá đèn: trắng mờ. - Driver: On /Off	Chíp LED Cree CRI ≥ 90 SDCM ≤ 3 4000K	PCS	165	
2	Kumo KM7510O		10W, 750lm, âm trần Kumo - Góc chiếu: 38° - Kích thước đèn: Ø82*H53mm. - Kích thước lỗ khoét: Ø75mm. - Màu choá đèn: Đen mờ. - Driver: On /Off	Chíp LED Cree CRI ≥ 90 SDCM ≤ 3 4000K	PCS	19	
3	Kurome KM5507E		7W, 520lm, âm trần Kurome - Góc chiếu: 24° - Kích thước đèn: Ø62*H85mm. - Kích thước lỗ khoét: Ø55mm. - Màu choá đèn: Trắng mờ - Driver: On /Off	Chíp LED Cree CRI ≥ 90 SDCM ≤ 3 4000K	PCS	12	
4	Helios H7507C		Âm trần, spotlight Công suất: 7W, 525lm Góc chiếu: 24°, xoay 360° Kích thước: Ø85*H94mm Lỗ khoét: Ø75mm Driver input 220VAC	Bridgelux V8E, CRI>90 4000K	PCS	10	
5	SR2000		Loại ray: Ray nam châm âm trần Kích thước: L2000*W60*H46,7mm Input: 48VDC P.max: 768W	//	PCS	2	



STT	Mã Hàng	Hình Ảnh	Thông Số Kỹ Thuật	Thông Số Ánh Sáng	ĐVT	SL	Ghi chú
6	SP07		Kết nối điện thẳng Kích thước : L200*W17*H18mm Input : 48VDC P.max : 768W	//	PCS	1	
7	Nguồn gắn ray 200w		200W, nguồn gắn ray nam châm Input: 180-265VAC Output: 48VDC	//	PCS	1	
8	High power Spotlight AMS4510		Nam châm, rọi spot Công suất : 10W,600lm Góc chiếu : 24° Kích thước : Ø48*118mm Input:48VDC	Osram, CRI>90, 4000K	PCS	2	
9	Accent linear lamp AMLS22012		Loại đèn:Nam châm, 12 mắt Led Công suất:12W, 720lm Góc chiếu:24° Kích thước:L220*W23*H44mm Input:48VDC	Osram3030, CRI 92 4000K	PCS	1	
10	Flood linear lamp AMLL32814		Nam châm, thanh mica Công suất : 14W Góc chiếu : 120° Kích thước : L328*W23*H44mm Input: 48VDC	Osram, CRI>90, 840lm 4000K	PCS	2	

STT	Mã Hàng	Hình Ảnh	Thông Số Kỹ Thuật	Thông Số Ánh Sáng	ĐVT	SL	Ghi chú
11	Led dán PS1020		10W/m, Dây COB, 420LEDs/m Kích thước PCB 8mm Chiều dài cuộn 10m/cuộn Điện áp DC24V Lumen: 980 lm / m Chiều dài cắt nhỏ: 50mm	Sanan COB 4000K CRI≥90	Mét	151	
12	Nhôm 737		Nhôm âm trần Kích thước: L x 20 x 13 mm Nắp mica trắng	//	Mét	37	
13	Nhôm Ziczac 20mm		Nhôm âm trần Bề mặt tản quang 20mm Nắp mica trắng	//	Mét	48	
14	Nhôm 12040A		Nhôm âm trần Kích thước: L x 120 x 40 mm Nắp mica trắng	//	Mét	12	
15	Nguồn 200w		Công suất: 200W Input: 220-240VAC Output: 24VDC Lớp bảo vệ: IP20	//	PCS	1	
16	Nguồn 300w		Công suất: 300W Input: 220-240VAC Output: 24VDC Lớp bảo vệ: IP20	//	PCS	5	
17	Đèn Spotlight ISS-4203		Công suất: LED 3W Lớp bảo vệ: IP 65 Kích thước: ø42*75*60mm Góc chiếu: 24° Điện áp: Input: DC 24V	Chíp Cree 3000K CRI > 90	PCS	3	

PHỤ LỤC I.04
HẠNG MỤC: ĐHKK

STT	TÊN VẬT TƯ	MODEL/ XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
A	PHẦN THIẾT BỊ				
I	Thiết bị Hệ thống ĐHKK 2 mảnh lắp thêm				
1	Máy lạnh cục bộ loại dàn lạnh loại Cassette 5.0kw	Máy lạnh cục bộ loại cassette DAIKIN FCFC50CMV / RZF50CV2V, công suất lạnh 5.0 kW (~18.000 BTU), inverter, gas R32, bao gồm dàn lạnh cassette, dàn nóng, mặt nạ cassette, điều khiển, vật tư lắp đặt cơ bản và nhân công lắp đặt hoàn thiện	Cái	2	
B	PHẦN ĐẦU NỐI LẮP ĐẶT VÀ THIẾT BỊ PHỤ TRỢ				
II	Thiết bị Hệ thống ĐHKK 2 mảnh thêm				
1	Máy lạnh cassette 4 hướng thổi, công suất 5,0 kw	Nhân công	Cái	2	

STT	TÊN VẬT TƯ	MODEL/ XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
III	Di dời thiết bị hiện có				
1	Tháo máy lạnh cassette 4 hướng thổi	Nhân công	Cái	5	
2	Lắp máy lạnh cassette 4 hướng thổi	Nhân công	Cái	5	
IV	Ống gas và cách nhiệt				
1	Ống gas D9.5 dày 0.81mm	Hailiang/Toàn phát	M	65.00	
2	Ống gas D15.9 dày 0.81mm	Hailiang/Toàn phát	M	65.00	
3	Cách nhiệt Ống gas D9.5 dày 19mm tỷ trọng 25kg/m3	Themobreak	M	65.00	
4	Cách nhiệt Ống gas D15.9 dày 19mm tỷ trọng 25kg/m3	Themobreak	M	65.00	
5	Ống uPVC D27 dày 1.9mm	Bình Minh	M	8.00	
6	Cách nhiệt Ống uPVC D27 dày 13mm tỷ trọng 25kg/m3	Themobreak	M	8.00	



STT	TÊN VẬT TƯ	MODEL/ XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
7	Phụ kiện ống nước ngưng (Co. cắt. nút bịt. ...)	VN	Lô	1.00	
8	Ni tơ thử áp lực và súc xả hệ thống	VN	Chai	12.00	
9	Gas lạnh bổ sung	Trung Quốc	Kg	90.00	
10	Vật tư phụ (Băng keo bạc. bạc hàn. bulong. tán...	VN	Lô	1.00	
V	Dây điện				
1	Dây CV 1x4.0mm ² CU/PVC	Cadivi	M	285.00	
2	Dây CV 2x1x2.5+E2.5mm ² CU/PVC (cấp nguồn dàn lạnh)	Cadivi	M	125.00	Dòir máy dòir dây điện
3	Dây CV 2x1.5mm ² CU/PVC (dây điều khiển)	Cadivi	M	125.00	Dòir máy dòir dây điện
4	Dây CV 2x0,75mm ² CU/PVC (dây điều khiển remote)	Cadivi	M	155.00	Dòir máy dòir dây điện



STT	TÊN VẬT TƯ	MODEL/ XUẤT XỨ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
5	Ống điện D20	SP	M	120.00	
VI	Ống gió				
1	Ống gió	Tole Hoa Sen 0,75mm2	M	8.00	
2	Cách nhiệt ống gió lạnh và hộp gió dày 25mm	VN	M2	13.50	
3	Cách nhiệt box gió dày 15mm	VN	M2	1.00	Box box gió lắp thêm
4	Miệng gió KTC: 600x600mm + Box gió	VN	Bộ	1.00	Lắp thêm
5	Tháo miệng gió hiện trạng 600x600	VN	Bộ	4.00	
6	Lắp lại miệng gió hiện trạng 600x600	VN	Bộ	4.00	
7	Vật tư phụ (Tyren. Simily. silicon. bulong. tán. vít cây...	VN	Lô	1.00	



PHỤ LỤC II.01
HẠNG MỤC: NỘI THẤT

STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
I	HẠNG MỤC NỘI THẤT								
	LOBBY_ RECEPTIONIST								
1	Quầy lễ tân	Quầy cong 3D, khung thép, MDF chống ẩm, mặt solid surface, LED trang trí (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết quầy lễ tân- ký hiệu I-403)	Khung thép hộp 30×30 hoặc 40×20 mm dày tối thiểu 1,2mm sơn tĩnh điện; MDF chống ẩm lõi xanh ≥17 mm, ρ ≥700 kg/m³; phủ melamine ≥0.15 mm; cạnh PVC ≥1 mm; mặt solid surface ≥12 mm bo cong; ốp formica vân kim loại xước; LED 12/24V 9–12W/m 3000K ≥120LED/m	3640	1570	970	cái	1.00	
2	* Đá ốp quầy	Mặt ngoài ốp đá Solid mã A-104					tg	1.00	
3	Ghế làm việc	Ghế Xoay Lưới MyChair XKTDA Nhập Khẩu hoặc tương đương - Cơ chế đồng bộ đa chức năng với 4 vị trí khóa, tích hợp trượt ghế chính xác, điều khiển bằng dây - Chức năng: Tay ghế 4D: nâng hạ, trái phải, tiến lùi, điều chỉnh tựa lưng và tựa đầu, Nâng hạ chiều cao ghế, chốt góc đứng và chốt góc ngả mọi vị trí (Góc ngả tối đa 135 độ)	- Khung nylon pha sợi thủy tinh - Tựa lưng lưới Wintex Lane Hàn Quốc, hãng lưới hàng đầu thế giới về lưới Văn Phòng - Nệm (đệm): mút (mousse) đúc nguyên khối ngồi êm ái, chống xẹp lún qua nhiều năm sử dụng, độ đàn hồi cao bọc vải Gabriel Medley - Đan Mạch				chiếc	2.00	
4	Vách hộp cong sau quầy lễ tân	Vách trang trí dạng hộp cong sau quầy lễ tân, khung thép hộp gia cường kết hợp MDF chống ẩm; bề mặt hoàn thiện sơn Inchem; tích hợp hệ LED hắt trang trí và logo nổi PETROVIETNAM – BSR; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách sau quầy lễ tân- ký hiệu I-404)	Khung thép hộp 30×30 hoặc 40×20 mm sơn tĩnh điện ≥60μm; MDF chống ẩm lõi xanh dày ≥17 mm, khối lượng riêng ≥700 kg/m³; tấm hậu MDF ≥9 mm dán alu cách âm; sơn Inchem 2K hoàn thiện; logo mica/acrylic dày ≥8 mm; LED strip 12/24V công suất 9–12 W/m ≥120 LED/m.	3840	380	2700	m2	10.37	



Trang 93/149

STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
5	Tủ trưng bày sản phẩm	Tủ trưng bày sản phẩm kết hợp hệ hốc trang trí hình lục giác, khung MDF phủ melamine; tích hợp hệ LED hắt trong các hốc trưng bày; tủ chân phía dưới có cánh mở; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết tủ trang trí- ký hiệu I-405)	MDF chống ẩm lõi xanh dày ≥ 17 mm, khối lượng riêng ≥ 700 kg/m ³ ; tấm hậu MDF ≥ 9 mm; phủ melamine hai mặt dày ≥ 0.15 mm; cạnh dán PVC ≥ 1 mm; hệ hốc trưng bày gia công CNC; LED strip 12/24V công suất 9–12 W/m ≥ 120 LED/m; bản lề giảm chấn Hafele.	4210	400	2700	m2	11.37	
6	Tủ Locker	Tủ locker lưu trữ cá nhân dạng đứng, 15 khoang độc lập, khung thùng và cánh tủ bằng MDF phủ melamine; tích hợp khóa điện tử riêng cho từng khoang; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết tủ Locker- ký hiệu I-406)	Khung thùng, cánh tủ và đợt tủ bằng MDF chống ẩm lõi xanh dày ≥ 17 mm, khối lượng riêng ≥ 700 kg/m ³ , phủ melamine hai mặt dày $\geq 0,15$ mm, màu MS LUX 522 hoặc tương đương; tấm hậu MDF dày ≥ 9 mm; cạnh dán PVC dày ≥ 1 mm; khóa điện tử dùng cho locker bằng hợp kim kẽm, sử dụng thẻ từ/mã số, nguồn pin rời, tuổi thọ pin ≥ 10 –12 tháng; bản lề giảm chấn Hafele; hoàn thiện đồng bộ theo bản vẽ.	2050	400	2700	m2	5.54	
7	* Khóa điện tử	Khóa điện tử cho tủ locker, mở bằng thẻ từ và mật mã, lắp đặt hoàn chỉnh	Khóa điện tử model N7 hoặc tương đương, mở bằng RFID và mật mã, thân hợp kim kẽm/ABS, dùng pin AAA, tuổi thọ pin ≥ 10 –12 tháng, có cảnh báo pin yếu và mở khẩn cấp; phù hợp cánh tủ MDF dày 16–20 mm; bao gồm 01 thẻ từ và nhân công lắp đặt.				cái	15.00	
8	Ghế chờ	Ghế chờ lounge kiểu dáng thư giãn, khung gỗ plywood định hình, đệm mút bọc ni cao cấp; chân thép sơn tĩnh điện; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết ghế chờ- ký hiệu I-407)	Khung plywood dày ≥ 12 mm; mút K43 density ≥ 43 kg/m ³ ; bọc ni Marble hoặc tương đương định lượng ≥ 350 g/m ² ; chân thép Ø25–32 mm sơn tĩnh điện ≥ 60 μ m.	780	775	1085	chiếc	2.00	
9	Ốp tường than tre	Ốp tường trang trí bằng tấm than tre ép mật độ cao, lắp đặt trên hệ khung xương, hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	Tấm than tre ép vân vải, dày ≥ 8 mm, bề mặt phủ film chống trầy; khung xương thép hộp 20×40 mm hoặc gỗ; cố định bằng keo chuyên dụng và vít; hoàn thiện nẹp nhôm/inox.				m2	27.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
10	Cửa sảnh	Cửa sảnh khung nhôm kính, gồm vách cố định và cánh cửa đi mở quay, phụ kiện cửa thủy lực hoàn chỉnh, lắp đặt theo bản vẽ thiết kế.	Cửa sảnh nhôm kính kết hợp vách cố định; nhôm Xingfa hệ 65 hoặc tương đương dày $\geq 2,5$ mm; kính cường lực an toàn 12 mm; tay nắm suốt inox 304; bản lề sàn Adler hoặc tương đương; kẹp kính, khóa sàn, gioăng EPDM, keo silicone trung tính và phụ kiện đồng bộ; lắp đặt hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	4980		2700	m2	13.45	
11	Tháo dỡ vận chuyển xà bần vách tường cửa chính VP theo hiện trạng	Nhân công tháo bỏ và chuyển xà bần ra khỏi công trình Cán lại nền sai tháo dỡ					gói	1.00	
12	Khóa cửa sảnh	Bộ khóa từ điện tử dùng cho cửa sảnh nhôm kính, mở bằng thẻ từ/mật mã, bao gồm khóa từ, đầu đọc thẻ, bộ nguồn và phụ kiện lắp đặt.	Khóa từ lực giữ ≥ 600 lbs (≈ 280 kg); đầu đọc thẻ RFID 13,56 MHz tích hợp bàn phím mật mã; nguồn 12VDC $\geq 3A$; bao gồm nút nhà cửa, giá đỡ L/Z, dây tín hiệu và phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh. Trình mẫu thực tế trước khi lắp đặt				bộ	1.00	
MEETING ROOM									
13	Bàn họp lớn	Bàn họp lớn dạng oval, mặt bàn MDF sơn Inchem kết hợp viền melamine; khung chân MDF gia cường khung thép; tích hợp hộp điện âm bàn; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn họp 1 - ký hiệu I-452/453)	Mặt bàn MDF chống ẩm lõi xanh, mật độ ≥ 700 kg/m ³ , dày ≥ 25 mm sơn Inchem 2K màu trắng hoàn thiện; viền mặt bàn và chân bàn MDF phủ melamine màu ghi đậm (mã ML 2042 hoặc tương đương) dày ≥ 17 mm; khung đỡ thép hộp 30×60 mm hoặc tương đương sơn tĩnh điện; tấm hậu MDF ≥ 9 mm; tích hợp hộp điện âm bàn bằng hợp kim nhôm/inox có ổ cắm điện và công dử liệu; Mặt bàn phải có khung thép gia cường phía dưới để chống võng.	7600	2200	750	chiếc	1.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
14	* Phủ phim PPF mặt bàn	Phủ lớp phim PPF trong suốt bảo vệ bề mặt bàn, chống trầy xước và chống bám bẩn; thi công dán hoàn thiện theo kích thước mặt bàn (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn họp 1 - ký hiệu I-452/453)	Phim PPF (Paint Protection Film) trong suốt, vật liệu polyurethane (TPU), độ dày $\geq 150\text{--}200\text{ }\mu\text{m}$, bề mặt có lớp phủ chống trầy và tự phục hồi nhẹ (self-healing); keo acrylic trong suốt, không để lại keo khi bóc; độ truyền sáng $\geq 90\%$; thi công dán kín bề mặt bàn, không bọt khí, không nhăn;				m2	18.24	
15	Bàn họp nhỏ	Bàn họp đại biểu, mặt bàn MDF sơn Inchem màu trắng, kết hợp tấm che phía trước; khung chân thép sơn tĩnh điện; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn họp 2 - ký hiệu I-454/455)	'Mặt bàn MDF chống ẩm lõi xanh, mật độ $\geq 700\text{ kg/m}^3$, dày $\geq 26\text{ mm}$ sơn Inchem 2K màu trắng; tấm che phía trước MDF dày $\geq 18\text{--}26\text{ mm}$ sơn cùng màu; khung chân thép sơn tĩnh điện màu đen gồm chân bàn ống côn $\varnothing 49$ vuốt xuống $\varnothing 20\text{ mm}$, thanh giằng ngang thép hộp $30\times 60\text{ mm}$, khung giằng đỡ mặt bàn thép hộp $25\times 50\text{ mm}$; toàn bộ khung thép sơn tĩnh điện dày $\geq 60\text{ }\mu\text{m}$; có chân tăng chỉnh cao độ;	1300	550	750	chiếc	12.00	
16	* Phủ phim PPF mặt bàn	Phủ lớp phim PPF trong suốt bảo vệ bề mặt bàn, chống trầy xước và chống bám bẩn; thi công dán hoàn thiện theo kích thước mặt bàn (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn họp 2 - ký hiệu I-454/455)	'Phim PPF trong suốt, vật liệu polyurethane (TPU), độ dày $\geq 150\text{--}200\text{ }\mu\text{m}$, bề mặt có lớp phủ chống trầy và tự phục hồi nhẹ (self-healing); keo acrylic trong suốt, không để lại keo khi bóc; độ truyền sáng $\geq 90\%$; thi công dán kín bề mặt bàn, không bọt khí, không nhăn; Mặt bàn và che mặt trước MDF.				m2	7.87	
17	Ghế phòng họp- chủ tọa	Ghế Giám Đốc Da Cao Cấp FK018A Mychair hoặc tương đương Ngả lưng; Khóa góc lưng ghế (tối đa 135°); Tăng giảm độ nặng nhẹ lực ngả lưng ghế; Nâng hạ chiều cao; Chân ghế xoay 360° ; Gập lưng ghế 90° về phía trước	Chiều cao ghế 117 - 123.5 cm Chiều dài lưng ghế 75 cm Tải trọng tối đa 160 kg Khung chân ghế được chế tác từ hợp kim nhôm Chất liệu bánh xe Nhựa PU Bề mặt tiếp xúc bọc da PU cao cấp Đệm ngồi của ghế sử dụng mút cao su non nguyên khối, mật độ 60kg/m^3 Sử dụng bộ điều khiển Donati – thương hiệu Ý				chiếc	2.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
18	Ghế phòng họp phụ	Ghế chân quỳ phòng họp MyChair MO820C hoặc tương đương - Chân quỳ cố định; - Đệm ghế và lưng ghế mút đúc cao su non nguyên khối bọc da PU cao cấp; - Khung chân hợp kim mạ crome.	-Chất liệu chân ghế Hợp kim nhôm mạ crom. - Toàn bộ bề mặt ghế được bọc da PU cao cấp, không xử lý công nghiệp quá tay. - Đệm sử dụng mút cao su non nguyên khối có khả năng phục hồi hình dạng nhanh, giữ vững form đệm theo thời gian.				chiếc	44.00	
19	Hệ tủ tivi	Hệ tủ tivi trang trí phòng họp bằng MDF phủ melamine, gồm tủ trang trí hai bên, khoang treo TV trung tâm và hệ tủ thấp phía dưới; tích hợp các đợt decor có LED hắt; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết tủ TIVI - ký hiệu I-449/450/451)	Khung thùng và cánh tủ MDF chống ẩm lõi xanh phủ melamine dày ≥17 mm (màu vân gỗ đậm, ghi đậm hoặc tương đương theo thiết kế); tấm hậu MDF dày ≥9 mm dán Alu cách âm; đợt kệ MDF phủ melamine dày ≥17 mm có rãnh lắp LED hắt; cánh tủ mở Tip-on (push-open) không tay nắm; khung xương gỗ hoặc thép gia cường; hệ đèn LED 12/24V công suất 9–12 W/m ≥120 LED/m, lắp trong profile nhôm có diffuser. Bản lề Hafele	8000	300	2700	m2	21.60	
20	Óp than tre vân gỗ	Óp tường trang trí phòng họp bằng tấm than tre vân gỗ, lắp đặt trên hệ khung xương và thanh nẹp kim loại; kết hợp thanh nhôm định hình tích hợp LED trang trí; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách ốp tường hướng B/C ký hiệu I-446/447/448)	Tấm ốp than tre vân gỗ màu đậm dày ≥8 mm, khối lượng riêng ≥0.65 g/cm³; lắp đặt trên hệ khung xương gỗ hoặc thép mạ kẽm; các khe nối sử dụng thanh nẹp kim loại hợp titan ≥5 mm; chân vách dùng nẹp nhôm sơn tĩnh điện màu đen D40 mm; bố trí thanh nhôm định hình tích hợp LED màu trắng (D50–D100–D200 mm) theo thiết kế; hệ LED 12/24V công suất 9–12 W/m ≥120 LED/m, lắp trong profile nhôm có diffuser; cố định bằng keo chuyên dụng và vít;	33050		2700	m2	89.24	
21	* Cửa phòng họp 01	Cửa phòng họp khung xương plywood, bề mặt ốp MDF chống ẩm phủ melamine kết hợp tấm than tre vân gỗ trang trí; phụ kiện bản lề âm và khóa gạt cao cấp; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	Khung cánh cửa Plywood nhiều lớp chống cong vênh dày ≥30 mm; bề mặt ốp MDF chống ẩm lõi xanh, khối lượng riêng ≥700 kg/m³, phủ melamine dày ≥9–12 mm kết hợp tấm ốp than tre vân gỗ dày ≥8 mm theo thiết kế; tổng độ dày cánh ≥40–45 mm; khung bao cửa gỗ tự nhiên hoặc plywood gia cường dày ≥40 mm; hoàn thiện cạnh bằng nẹp nhôm anod; phụ kiện gồm bản lề âm 3D inox 304 tải trọng ≥80 kg/bộ, khóa gạt tay inox 304 hoặc hợp kim kẽm cao cấp, gioăng giảm chấn;	1800	100	2200	bộ	1.00	
22	* Cửa phòng họp 02			1620	100	2200	bộ	1.00	

STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
23	Tủ decor	Tủ decor trang trí phòng họp, khung thùng MDF chống ẩm phủ melamine; cánh lam MDF phủ melamine hoặc gỗ sồi tự nhiên CNC theo thiết kế; phụ kiện bản lề giảm chấn Hafele; tay nắm hợp kim hoàn thiện đồng bộ với thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết tủ decor - ký hiệu I-456)	Khung thùng MDF chống ẩm lõi xanh phủ melamine dày ≥ 17 mm, cạnh dán ABS ≥ 1 mm; cánh lam MDF chống ẩm lõi xanh phủ melamine dày ≥ 17 mm gia công CNC theo thiết kế hoặc gỗ sồi tự nhiên ghép thanh CNC sơn PU màu tương đồng, hoàn thiện ≥ 3 lớp sơn; hậu tủ MDF ≥ 9 mm; phụ kiện bản lề giảm chấn Hafele hoặc tương đương, tay nắm hợp kim nhôm hoặc zinc alloy hoàn thiện anod/sơn tĩnh điện	2200	400	800	bộ	1.00	
CHAIRMAN'S OFFICE									
24	Bàn làm việc kết hợp chân tủ hồ sơ	Bàn làm việc kết hợp tủ hồ sơ; mặt bàn đá marble vân mây màu trắng; khung chân thép tạo hình sơn tĩnh điện; tấm che và các bề mặt trang trí bọc da; tủ hồ sơ MDF chống ẩm phủ melamine kết hợp cánh và hông lộ bọc da; phụ kiện giảm chấn Hafele; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn làm việc - ký hiệu I-464/465)	Mặt đá marble ≥ 15 mm; khung thép sơn tĩnh điện $\geq 1,5$ mm; MDF chống ẩm lõi xanh, dày ≥ 17 mm; bọc da Microfiber/PU cao cấp (Cò May hoặc tương đương) $\geq 1,2$ mm trên lớp mút D25-D30; hậu MDF ≥ 9 mm; phụ kiện Hafele.	2700 2000	1000 550	750 600	bộ	1.00	
25	Ghế chủ tịch/TGD	Ghế Giám Đốc Da Cao Cấp FK018A Mychair hoặc tương đương Ngả lưng; Khóa góc lưng ghế (tối đa 135°); Tăng giảm độ nặng nhẹ lực ngả lưng ghế; Nâng hạ chiều cao; Chân ghế xoay 360°; Gập lưng ghế 90° về phía trước	Chiều cao ghế 117 - 123.5 cm Chiều dài lưng ghế 75 cm Tải trọng tối đa 160 kg Khung chân ghế được chế tác từ hợp kim nhôm Chất liệu bánh xe Nhựa PU Bề mặt tiếp xúc bọc da EPU cao cấp Đệm ngồi của ghế sử dụng mút cao su non nguyên khối, mật độ 60kg/m ³ Sử dụng bộ điều khiển Donati – thương hiệu Ý				chiếc	1.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
26	Vách ốp sau bàn làm việc	Vách ốp trang trí sau bàn làm việc bằng tấm than tre kết hợp chi tiết nẹp kim loại, kệ/tủ MDF âm tường và mảng điểm nhấn đá/acrylic xuyên sáng theo bản vẽ thiết kế; lắp đặt trên hệ khung xương gia cường, hoàn thiện đồng bộ theo hồ sơ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách ốp tường hướng A & hệ tủ - ký hiệu I-460/461/462)	Tấm than tre dày ≥ 8 mm, màu theo mã duyệt; nền/khung gia cường MDF chống ẩm ≥ 9 mm hoặc khung xương thép mạ kẽm; nẹp hộp kim titan/inox mạ titan D5 mm; kệ/tủ MDF chống ẩm phủ melamine dày ≥ 17 mm, đợt chịu lực dày ≥ 34 mm, hậu ≥ 9 mm; cánh nhấn mở tip-on; đá xuyên sáng dày ≥ 20 mm hoặc acrylic xuyên sáng dày $\geq 8-10$ mm; trụ thép D15 sơn tĩnh điện; LED 12/24V ≥ 120 LED/m.	3550		2700	m2	9.59	
27	Hệ kệ decor	Hệ kệ decor MDF chống ẩm phủ melamine kết hợp tấm than tre bo cong giả đá, khung sắt gia cường và chi tiết xuyên sáng. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách ốp tường hướng A & hệ tủ - ký hiệu I-460/461/462)	MDF chống ẩm ≥ 17 mm; đợt kệ MDF chống ẩm ≥ 34 mm; tấm than tre ≥ 8 mm; khung xương thép $\geq 1,2$ mm; trụ sắt D15 sơn tĩnh điện; phụ kiện Hafele; ti treo kệ âm.	3560	300	2700	m2	9.61	
28			Vách PVC in, led hắt sau	1560		2700	m2	4.21	
29	Bàn họp	Bàn họp 6-8 chỗ ngồi (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn họp - ký hiệu I-466/467)	Bàn họp khung chân thép sơn tĩnh điện, mặt bàn MDF chống ẩm phủ melamine dày ≥ 25 mm; nắp kỹ thuật MDF dày ≥ 17 mm tích hợp hộp điện âm bàn; gia cường khung thép chống võng; kích thước 2400×1200×750 mm; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	2400	1200	750	chiếc	1.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
30	Ghế bàn họp	GHẾ DA CAO CẤP - Nâng hạ chiều cao linh hoạt và xoay 360 độ - Ben hơi nâng hạ chiều cao với 150.000 lần lên xuống - Chân năm cạnh giữ cân bằng ghế khi ngồi và mang tính thẩm mỹ cho sản phẩm.	- Bánh xe bằng PU, chống trượt, vận hành êm ái và xoay 360 độ - Tựa lưng và nệm (đệm) ghế bằng cao su non đúc nguyên khối và được bọc da bò Mastrotto - Bộ điều khiển bằng dây liên kết trực tiếp tùy chỉnh cao cấp của Bok có thể nâng, hạ và ngả				chiếc	7.00	
31	Sofa	Sofa phòng tiếp khách kiểu dáng hiện đại, khung gỗ tự nhiên đã xử lý chống cong vênh và mối mọt; hệ lò xo zig-zag kết hợp dây đai đàn hồi; đệm mút đàn hồi cao; bọc da công nghiệp cao cấp; chân kim loại sơn tĩnh điện. Sản phẩm hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế và mẫu vật liệu được phê duyệt trước khi thi công (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết sofa - ký hiệu I-471)	Sofa khung gỗ tự nhiên đã xử lý chống cong vênh mối mọt; hệ lò xo zigzag và dây đai đàn hồi; đệm mút đàn hồi cao K43; bọc da công nghiệp cao cấp PU/Microfiber dày ≥1,1 mm; chân thép sơn tĩnh điện; kèm gối tựa và gối trang trí	2800	900	600	chiếc	1.00	
32	Băng ghế dài	Ghế bench khung gỗ tự nhiên (gỗ thông) đã xử lý công nghiệp chống cong vênh và mối mọt; đệm mút đàn hồi cao bọc da công nghiệp cao cấp; gối trụ hai đầu; chân thép sơn tĩnh điện. Hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết ghế bench - ký hiệu I-472)	Khung gỗ thông đã xử lý sấy và chống mối mọt; đệm mút PU đàn hồi cao K43; bọc da công nghiệp cao cấp PU/Microfiber dày ≥1,1 mm (màu mã xác nhận); gối trụ D600 × Ø160 mm bọc da cùng loại; chân thép sơn tĩnh điện màu đen.	1660	600	540	chiếc	1.00	
33	Armchair	Ghế phòng khách chủ tịch (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết ARMCHAIR - ký hiệu I-473)	Khung gỗ tự nhiên đã xử lý chống cong vênh mối mọt; đệm mút PU đàn hồi cao K43; bọc da công nghiệp cao cấp PU/Microfiber dày ≥1,1 mm (màu theo thiết kế); chân thép sơn tĩnh điện màu đen.	800			chiếc	1.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
34	Bàn trà	Bàn trà phòng khách chủ tịch (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn trà 1 - ký hiệu I-468 và Chi tiết bàn trà 2 - ký hiệu I-469)	Khung xương gỗ/plywood gia cường bằng MDF chống ẩm lõi xanh ≥ 18 mm; hoàn thiện MDF sơn PU màu đen bóng (PU ≥ 3 lớp lót + 2 lớp phủ, độ bóng $\geq 80\%$ Gloss); bàn lớn ốp đá trắng vân mây mã chỉ định dày 20mm; bề mặt phủ film PPF chống trầy, độ dày ≥ 150 micron; chân bàn gỗ tự nhiên sơn màu đen; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế và mẫu vật liệu được phê duyệt.	950 630	950 630	250 335	bộ	1.00	
35	Tab Sofa	Chân sắt la sơn đen Mặt tab đá Granite đen có vân (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn trà 3 - ký hiệu I-470) (Trình mẫu thực tế trước khi thi công)	Tab sofa khung thép la/hộp sơn tĩnh điện màu đen dày $\geq 1,5$ mm; mặt đá granite tự nhiên dày 18–20 mm vân mây, gia công bo cạnh và xử lý chống thấm	D450		450	chiếc	1.00	
36	* Cửa phòng Chủ Tịch/TGD	Cửa phòng 2 cánh khung thép hộp gia cường, ốp hoàn thiện hai mặt bằng MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ; viền trang trí thép sơn tĩnh điện màu đen; tay nắm kim loại dạng thanh dài; bản lề thép chịu lực và khóa tay gạt cao cấp.	Hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế và mẫu vật liệu được phê duyệt.	1200		2700	bộ	1.00	
	EXECUTIVE OFFICE								



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
37	Bàn làm việc kết hợp chân tủ hồ sơ	* Bàn làm việc: Khung chân sắt toạ hình sơn màu xác nhận kết hợp MDF chống ẩm sơn màu xác nhận, mặt bàn phủ PPF chống trầy * Tủ hồ sơ: Thùng và cánh MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận Phụ kiện bản lề, raybi giảm chấn Hafele (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn làm việc - ký hiệu I-493/494)	Bàn làm việc kết hợp tủ hồ sơ khung MDF chống ẩm lõi xanh; mặt bàn MDF dày ≥25 mm; thùng và cánh tủ MDF ≥17 mm; hoàn thiện sơn Inchem màu theo thiết kế (quy cách sơn: 2 lớp lót; 2–3 lớp phủ; độ bóng 30–40% (mờ)); cánh mở nhấn Tip-on Hafele; bản lề và ray giảm chấn; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	2000 1600	900 430	750 670	bộ	1.00	
38	Ghế lãnh đạo	Ghế Giám Đốc Da Cao Cấp Nhập Khẩu MyChair FA926A hoặc tương đương - Chế độ ngả êm ái, khóa góc lưng lên tới 135 độ - Tăng giảm độ nặng nhẹ lực ngả - Nâng hạ chiều cao linh hoạt và xoay 360 độ - Ben hơi nâng hạ chiều cao với 150.000 lần lên xuống - Bánh xe bằng PU, chống trượt, vận hành êm ái và xoay 360 độ	-Chất liệu chân ghế Hợp kim nhôm mạ crom. - Toàn bộ bề mặt ghế được bọc da EPU cao cấp, không xử lý công nghiệp quá tay. - Đệm sử dụng mút cao su non nguyên khối có khả năng phục hồi hình dạng nhanh, giữ vững form đệm theo thời gian.				chiếc	1.00	
39	Ghế phụ	Ghế Văn Phòng Da MyChair FA19B Nhập Khẩu hoặc tương đương - Nâng hạ chiều cao linh hoạt và xoay 360 độ - Ben hơi nâng hạ chiều cao với 150.000 lần lên xuống - Chân năm cạnh giữ cân bằng ghế khi ngồi và mang tính thẩm mỹ cho sản phẩm.	- Bánh xe bằng PU, chống trượt, vận hành êm ái và xoay 360 độ - Tựa lưng và nệm (đệm) ghế bằng cao su non đúc nguyên khối và được bọc da EPU cao cấp - Bộ điều khiển bằng dây liên kết trực tiếp tùy chỉnh cao cấp của Bok có thể nâng, hạ và ngả				chiếc	1.00	
40	Kệ sau bàn làm việc	Khung và cánh MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận Phụ kiện bản lề Hafele giảm chấn Đợt kệ MDF chống ẩm, ti treo âm Hậu ốp tấm than tre vân đá mã xác nhận (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách ốp tường A & kệ tủ - ký hiệu I-489/490/491)	Vách ốp tường trang trí khung xương thép/gỗ cố định tường; hoàn thiện tấm ốp than tre vân gỗ dày ≥8 mm; kết hợp MDF chống ẩm phủ melamine; nẹp nhôm sơn tĩnh điện màu đen D40 mm; tích hợp kệ nhôm trang trí dày ≥10 mm và tủ âm MDF; hệ đèn LED hắt trang trí; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	4200	300	2700	m2	9.47	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
41	* Cửa giầu khuôn vào kho hồ sơ	Khung xương Plywood ốp hoàn thiện 2 mặt MDF chống ẩm phủ melamine đồng màu kệ Phụ kiện bản lề âm Tay nắm đen tiêu chuẩn		850		2200	bộ	1.00	
42	Ốp than tre vân nỉ	Ốp tường trang trí bằng tấm than tre ép mật độ cao, lắp đặt trên hệ khung xương, hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách ốp tường hướng B - ký hiệu I-492)	Ốp tường trang trí bằng tấm than tre ép mật độ cao vân nỉ dày ≥8 mm lắp đặt trên khung thép hộp 20×40 mm hoặc 25×50 mm sơn chống gỉ; hoàn thiện nẹp nhôm trang trí theo bản vẽ thiết kế.	5900		2700	m2	15.93	
43	* Cửa phòng	Cửa phòng khung xương thép hộp gia cường, ốp hoàn thiện hai mặt MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ theo mã được phê duyệt; viền sắt la sơn tĩnh điện màu đen; phụ kiện bản lề và khóa tay gạt tiêu chuẩn.	Cửa phòng khung thép hộp 30×30 mm hoặc 30×60 mm dày ≥1.0 mm; ốp hai mặt MDF chống ẩm dày ≥15 mm phủ melamine; viền sắt la sơn tĩnh điện màu đen; phụ kiện bản lề inox và khóa tay gạt tiêu chuẩn.	900	60	2700	bộ	1.00	
44	Sofa	Sofa khung gỗ tự nhiên kết hợp plywood tạo hình; đệm mút PU đàn hồi cao; mút ngồi K43, mút tựa ≥D30; bọc nỉ dệt cao cấp màu theo mẫu duyệt; may bọc ôm sát form ghế, không nhăn, không xô lệch trong quá trình sử dụng. Chân sắt sơn đen tĩnh điện Bao gồm gói decor tương đồng (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết sofa - ký hiệu I-496)	Khung ghế gỗ tự nhiên đã xử lý chống cong vênh, mối một kết hợp plywood định hình; đệm mút PU đàn hồi cao, mút ngồi K43, mút tựa ≥D30; bọc nỉ dệt cao cấp dùng cho upholstery, định lượng ≥350 g/m², độ bền mài mòn ≥40.000 Martindale, chống xù và bền màu; màu sắc theo mẫu được phê duyệt; hoàn thiện may bọc ôm sát form ghế.	2000	800	700	chiếc	1.00	
45	Armchair	Khung chân sắt la sơn đen Khung gỗ công nghiệp plywood định hình kết hợp đệm mút PU đàn hồi cao; bọc da công nghiệp cao cấp dòng Cỏ May hoặc tương đương; chân thép sơn tĩnh điện màu đen; hoàn thiện theo thiết kế (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết armchair - ký hiệu I-497)	Armchair khung plywood định hình dày ≥12 mm; đệm mút PU đàn hồi cao (mút ngồi K43, mút tựa ≥D30); bọc da công nghiệp cao cấp dòng Cỏ May hoặc tương đương dày ≥1.0 mm; chân thép sơn tĩnh điện màu đen.				chiếc	1.00	 Trang 103/149



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
46	Bàn trà	Bàn trà khung xương sắt hộp, ốp hoàn thiện đá Nung kết mã xác nhận, kết hợp kính cường lực 12mm màu xám khói trình mẫu đá thực tế trước khi thi công (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn trà - ký hiệu I-495)	Khung xương thép hộp 20×20 mm hoặc 25×25 mm dày ≥1,2 mm sơn tĩnh điện; hoàn thiện ốp đá nung kết vân mây dày ≥12 mm trên cốt MDF chống ẩm/khung gia cường; kết hợp mặt kính cường lực dày ≥10 mm mài cạnh an toàn; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế và mẫu vật liệu được phê duyệt.	950	800	300	chiếc	1.00	
	DIRECTOR'S OFFICE								
47	Bàn làm việc kết hợp chân tủ hồ sơ	* Bàn làm việc: khung đỡ mặt bàn sắt la gia cố sơn đen. Mặt bàn và hông MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận * Tủ hồ sơ: Thùng và cánh MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận Phụ kiện bản lề, raybi giảm chấn Hafele (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn làm việc - ký hiệu I-480/481)	Bàn làm việc kết hợp tủ hồ sơ khung thép gia cường sơn tĩnh điện; mặt bàn MDF chống ẩm dày ≥25 mm phủ melamine; hông bàn và tủ MDF chống ẩm ≥17 mm; hậu tủ ≥9 mm; phụ kiện bản lề và ray giảm chấn Hafele hoặc tương đương.	2200 1400	900 430	750 670	bộ	1.00	
48	Ghế giám đốc	Ghế Giám Đốc Da Cao Cấp Nhập Khẩu MyChair FA926A hoặc tương đương - Chế độ ngả êm ái, khóa góc lưng lên tới 135 độ - Tầng giảm độ nặng nhẹ lực ngả - Nâng hạ chiều cao linh hoạt và xoay 360 độ - Ben hơi nâng hạ chiều cao với 150.000 lần lên xuống - Bánh xe bằng PU, chống trượt, vận hành êm ái và xoay 360 độ	-Chất liệu chân ghế Hợp kim nhôm mạ crom. - Toàn bộ bề mặt ghế được bọc da EPU cao cấp, không xử lý công nghiệp quá tay. - Đệm sử dụng mút cao su non nguyên khối có khả năng phục hồi hình dạng nhanh, giữ vững form đệm theo thời gian.				chiếc	1.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
49	Ghế phụ	Ghế Văn Phòng Da MyChair FA19B Nhập Khẩu hoặc tương đương - Nâng hạ chiều cao linh hoạt và xoay 360 độ - Ben hơi nâng hạ chiều cao với 150.000 lần lên xuống - Chân năm cạnh giữ cân bằng ghế khi ngồi và mang tính thẩm mỹ cho sản phẩm.	- Bánh xe bằng PU, chống trượt, vận hành êm ái và xoay 360 độ - Tựa lưng và nệm (đệm) ghế bằng cao su non đúc nguyên khối và được bọc da EPU cao cấp - Bộ điều khiển bằng dây liên kết trực tiếp tùy chỉnh cao cấp của Bok có thể nâng, hạ và ngả				chiếc	1.00	
50	Kệ sau bàn làm việc	Hệ tủ và kệ trang trí khung MDF chống ẩm hoàn thiện phủ melamine vân gỗ theo mã được phê duyệt; tích hợp đèn kệ nhôm có đèn LED hắt hậu; phụ kiện bản lề giảm chấn Hafele hoặc tương đương; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách ốp tường hướng A& kệ tủ - ký hiệu I-477/478)	Hệ tủ và kệ trang trí khung MDF chống ẩm dày ≥17 mm phủ melamine vân gỗ; hậu MDF ≥9 mm; đèn kệ nhôm sơn tĩnh điện dày ≥8 mm tích hợp LED hắt hậu; phụ kiện bản lề giảm chấn Hafele hoặc tương đương; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	2000	1500 2200	240 300	hệ	1.00	
51	Ốp than tre vân gỗ	Ốp tường trang trí bằng tấm than tre ép mật độ cao vân gỗ, lắp đặt trên hệ khung xương cố định vào tường; hoàn thiện nẹp trang trí và các chi tiết liên kết theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách ốp tường hướng A& kệ tủ - ký hiệu I-477/478)	Ốp tường trang trí tấm than tre ép mật độ cao vân gỗ dày ≥8 mm lắp đặt trên khung thép hộp 20×40 mm hoặc 25×50 mm sơn tĩnh điện; hoàn thiện nẹp nhôm trang trí; thi công theo bản vẽ thiết kế.	17000		2700	m2	45.90	
52	* Cửa phòng giám đốc	Cửa phòng khung xương thép hộp gia cường, ốp hoàn thiện hai mặt MDF chống ẩm phủ melamine vân gỗ theo mã được phê duyệt; viền trang trí sắt la sơn tĩnh điện màu đen; phụ kiện bản lề và khóa hoàn thiện đồng bộ theo thiết kế.	Cửa phòng khung xương thép hộp 30×60 mm hoặc 40×40 mm dày ≥1,2 mm; ốp hai mặt MDF chống ẩm dày ≥17 mm phủ melamine vân gỗ; viền sắt la sơn tĩnh điện màu đen; phụ kiện bản lề inox và khóa tay gạt hoàn thiện đồng bộ.	900	60	2700	bộ	1.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
53	Sofa	Sofa khung gỗ tự nhiên kết hợp plywood định hình; đệm mút PU đàn hồi cao; mút ngồi K43, mút tựa D30–D35; bọc nỉ dệt upholstery cao cấp; chân thép sơn tĩnh điện màu đen; bao gồm gối décor đồng bộ theo thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết sofa - ký hiệu I-484)	Sofa khung gỗ tự nhiên đã xử lý chống cong vênh mối mọt kết hợp plywood định hình; đệm mút PU đàn hồi cao (mút ngồi K43, mút tựa D30–D35); bọc nỉ dệt upholstery cao cấp định lượng ≥350 g/m²; chân thép sơn tĩnh điện màu đen; bao gồm gối décor đồng bộ.	2480	950	550	chiếc	1.00	
54	Armchair	Khung chân sắt la sơn đen Khung gỗ công nghiệp plywood định hình kết hợp đệm mút PU đàn hồi cao; bọc da công nghiệp cao cấp dòng Cỏ May hoặc tương đương; chân thép sơn tĩnh điện màu đen; hoàn thiện theo thiết kế (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết arm chair - ký hiệu I-485)	Armchair khung plywood định hình dày ≥12 mm; đệm mút PU đàn hồi cao (mút ngồi K43, mút tựa ≥D30); bọc da công nghiệp cao cấp dòng Cỏ May hoặc tương đương dày ≥1.0 mm; chân thép sơn tĩnh điện màu đen.				chiếc	1.00	
55	Bàn trà	Bàn trà khung chân thép gia cường, hoàn thiện sơn tĩnh điện màu theo thiết kế; mặt bàn đá marble tự nhiên hoặc đá nhân tạo cao cấp theo mẫu được phê duyệt; liên kết chắc chắn, hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn trà 1 - ký hiệu I-482)	Bàn trà khung chân thép la/thép hộp gia cường dày ≥1,2 mm sơn tĩnh điện màu nhũ theo mẫu duyệt; mặt bàn đá marble tự nhiên hoặc đá nhân tạo cao cấp dày ≥18 mm; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế và mẫu vật liệu được phê duyệt.	1230	700	300	chiếc	1.00	
56	Tab sofa 01	Khung sắt tấm kết hợp trụ sơn màu xác nhận Trụ sơn nhũ đồng Mặt tab và chân sơn đen bằng sơn 2 thành phần Mặt tab kính cường lực đen hạn chế trầy xước (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn trà 2 - ký hiệu I-483)	ab sofa khung thép tấm/thép hộp gia cường dày ≥1,2 mm kết hợp trụ thép sơn nhũ đồng; mặt và chân hoàn thiện sơn 2 thành phần màu đen; mặt tab kính cường lực màu đen dày ≥8 mm mài cạnh an toàn; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	D430		400	chiếc	1.00	
PUTY DIRECTOR'S OFFICE									



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
57	Bàn làm việc kết hợp chân tủ hồ sơ	* Bàn làm việc: khung xương sắt hộp. Mặt bàn, hông MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận * Tủ hồ sơ: Thùng và cánh MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận Phụ kiện bản lề, raybì giảm chấn Hafele (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn làm việc - ký hiệu I-439)	Bàn làm việc kết hợp tủ hồ sơ khung thép gia cường sơn tĩnh điện; mặt bàn MDF chống ẩm dày ≥25 mm phủ melamine; hông bàn và tủ MDF chống ẩm ≥17 mm; hậu tủ ≥9 mm; phụ kiện bản lề và ray giảm chấn Hafele hoặc tương đương.	1990 1800	900 430	750 670	bộ	1.00	
58	Ghế lãnh đạo	Ghế Giám Đốc Da Cao Cấp Nhập Khẩu MyChair FA926A hoặc tương đương - Chế độ ngả êm ái, khóa góc lưng lên tới 135 độ - Tăng giảm độ nặng nhẹ lực ngả - Nâng hạ chiều cao linh hoạt và xoay 360 độ - Ben hơi nâng hạ chiều cao với 150.000 lần lên xuống - Bánh xe bằng PU, chống trượt, vận hành êm ái và xoay 360 độ	-Chất liệu chân ghế Hợp kim nhôm mạ crom. - Toàn bộ bề mặt ghế được bọc da EPU cao cấp, không xử lý công nghiệp quá tay. - Đệm sử dụng mút cao su non nguyên khối có khả năng phục hồi hình dạng nhanh, giữ vững form đệm theo thời gian.				chiếc	1.00	
59	Ghế phụ	Ghế Văn Phòng Da MyChair FA19B Nhập Khẩu hoặc tương đương - Nâng hạ chiều cao linh hoạt và xoay 360 độ - Ben hơi nâng hạ chiều cao với 150.000 lần lên xuống - Chân năm cạnh giữ cân bằng ghế khi ngồi và mang tính thẩm mỹ cho sản phẩm.	- Bánh xe bằng PU, chống trượt, vận hành êm ái và xoay 360 độ - Tựa lưng và nệm (đệm) ghế bằng cao su non đúc nguyên khối và được bọc da EPU cao cấp - Bộ điều khiển bằng dây liên kết trực tiếp tùy chỉnh cao cấp của Bok có thể nâng, hạ và ngả				chiếc	1.00	
60	Kệ tài liệu sau bàn làm việc	Thùng và cánh thoại MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận Phụ kiện bản lề giảm chấn Hafele Led hắt tính riêng (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết kệ tài liệu- ký hiệu I-441)	Hệ tủ và kệ trang trí khung MDF chống ẩm dày ≥17 mm phủ melamine vân gỗ; hậu MDF ≥9 mm; đợt kệ nhôm sơn tĩnh điện dày ≥8 mm tích hợp LED hắt hậu; phụ kiện bản lề giảm chấn Hafele hoặc tương đương; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	2800	317	1500	m2	4.20	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
61	Óp than tre vân vải	Óp tường trang trí bằng tấm than tre ép mật độ cao vân gỗ, lắp đặt trên hệ khung xương cố định vào tường; hoàn thiện nẹp trang trí và các chi tiết liên kết theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách cạnh bàn làm việc/vách sau kệ tài liệu - ký hiệu I-442/443)	Óp tường trang trí bằng tấm than tre ép mật độ cao vân gỗ dày ≥8 mm lắp đặt trên khung thép hộp 20×40 mm hoặc 25×50 mm sơn chống gỉ; hoàn thiện nẹp nhôm trang trí theo bản vẽ thiết kế.	7975		2700	m2	21.53	
62	Óp than tre vân gỗ	Óp trực tiếp tấm than tre vân vải 5mm bằng keo chuyên dụng, nẹp kim loại (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách ốp tường - ký hiệu I-444)	Óp tường trang trí bằng tấm than tre ép mật độ cao vân gỗ dày ≥8 mm lắp đặt trên khung thép hộp 20×40 mm hoặc 25×50 mm sơn chống gỉ; hoàn thiện nẹp nhôm trang trí theo bản vẽ thiết kế.	2300		2700	m2	6.21	
63	* Cửa phòng	Khung xương sắt hộp, ốp hoàn thiện 2 mặt MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận Viền cửa sắt la sơn đen Bản lề lá, khoá gạt tiêu chuẩn (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết cửa đi - ký hiệu I-438)	Cửa phòng khung xương thép hộp 30×60 mm hoặc 40×40 mm dày ≥1,2 mm; ốp hai mặt MDF chống ẩm dày ≥17 mm phủ melamine vân gỗ; viền sắt la sơn tĩnh điện màu đen; phụ kiện bản lề inox và khoá tay gạt hoàn thiện đồng bộ.	900	60	2700	bộ	1.00	
WAITING AREA_ WORKING AREA									
64	Sofa	Khung gỗ Thông đã qua xử lý CN hạn chế cong vênh mỗi một kết hợp Plywood/ lưng thêu uốn tạo hình Đệm mút K43 bọc ni lông tiêu chuẩn mã xác nhận Chân sắt sơn đen tĩnh điện Bao gồm gối decor tương đồng (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết ghế sofa- ký hiệu I-415)	Sofa góc khung gỗ Thông sấy chống cong vênh kết hợp plywood tạo hình; đệm mút PU đàn hồi cao (mút ngồi K43, tựa ≥D30); bọc ni lông cao cấp chống mài mòn ≥30.000 Martindale; Hệ lò xo / đai đàn hồi: đai thun đàn hồi bản rộng 50–70 mm, mật độ ≥6 dây/mặt ghế; Chân ghế: thép hộp 30×30 mm, sơn tĩnh điện màu đen;Tải trọng sử dụng: ≥250 kg/2 vị trí ngồi; kèm gối decor. Hoàn thiện theo mẫu được phê duyệt	3760	2690	710	chiếc	1.00	
65	Băng ghế dài	Khung gỗ Thông đã qua xử lý CN hạn chế cong vênh mỗi một Đệm mút K43 bọc ni lông tiêu chuẩn mã xác nhận Chân sắt sơn đen tĩnh điện (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết ghế băng- ký hiệu I-416)	Băng ghế dài khung gỗ Thông sấy chống cong vênh kết hợp plywood; đệm mút PU đàn hồi cao (mút K43); bọc ni lông tiêu chuẩn chống mài mòn ≥25.000 Martindale; chân thép sơn tĩnh điện màu đen; hoàn thiện theo mẫu duyệt.	1450	480	335	chiếc	1.00	

STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
66	Armchair	Khung ghế gỗ Thông tự nhiên đã qua xử lý CN hạn chế cong vênh mỗi một kết hợp Plywood tạo hình Đệm mút K43 bọc da dòng Cỏ May mã xác nhận Chân kim loại xoay (trình mẫu theo thực tế trước khi thi công) (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết Arm chair- ký hiệu I-420)	Armchair khung gỗ Thông sấy chống cong vênh kết hợp plywood tạo hình; đệm mút PU đàn hồi cao (mút ngồi K43, tựa ≥D30); bọc da công nghiệp cao cấp dòng Cỏ May hoặc tương đương; chân kim loại xoay 360° sơn tĩnh điện; hoàn thiện theo mẫu duyệt.	660	770	750	chiếc	2.00	
67	Bàn trà	* Bàn trà lớn: Khung chân Sồi tự nhiên đã qua xử lý CN hạn chế cong vênh mỗi một kết hợp mặt bàn MDF chống ẩm phủ veneer sơn PU màu xác nhận, nắp nẹp chân bàn inox mạ pvd (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn trà lớn- ký hiệu I-418) * Bàn trà nhỏ: Khung xương sắt hộp ốp hoàn thiện mặt trên và hông đá Granite trắng có vân mã xác nhận (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn trà nhỏ- ký hiệu I-419) (trình mẫu theo thực tế trước khi thi công)	Bàn trà lớn khu tiếp khách; mặt bàn MDF chống ẩm dày ≥25 mm phủ veneer gỗ tự nhiên sơn Inchem hoàn thiện mờ; cạnh nẹp gỗ tự nhiên đồng màu veneer mặt bàn; chân gỗ tự nhiên sơn đen mờ; chi tiết inox 304 mạ PVD; liên kết âm, hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. Bàn trà nhỏ khu tiếp khách hình lục giác; mặt đá marble tự nhiên dày ≥20 mm; Khung bàn: thép hộp (kích thước ≥20×40 mm hoặc tương đương), hàn cố định, sơn tĩnh điện; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	1560 751	1070 650	240 177	bộ	1.00	
68	Tab sofa 01	Khung sắt tấm kết hợp trụ sơn màu xác nhận Trụ sơn nhũ đồng Mặt tab và chân sơn đen bằng sơn 2 thành phần Mặt tab kính cường lực đen hạn chế trầy xước (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết TAB phụ- ký hiệu I-417)	Khung thép tấm kết hợp trụ thép sơn nhũ đồng; mặt tab kính cường lực màu đen dày ≥10 mm chống trầy xước; khung và chân sơn đen bằng sơn 2 thành phần; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	D430		400	chiếc	1.00	
69	Tab sofa 02	Khung sắt tấm sơn màu xác nhận Trụ sơn nhũ đồng Mặt tab và chân sơn đen bằng sơn 2 thành phần Mặt tab đá Granite đen có vân mã xác nhận (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết TAB sofa- ký hiệu I-421)	khung thép tấm sơn màu theo thiết kế; trụ thép sơn nhũ đồng; mặt tab đá granite đen vân tự nhiên dày ≥20 mm; chân và khung sơn đen bằng sơn 2 thành phần; hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế.	1100	690	350	chiếc	1.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
70	Tab armchair	Khung gỗ tự nhiên kết hợp MDF chống ẩm tạo hình sơn nhũ màu xác nhận (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết TAB Arm chair- ký hiệu I-422)	Khung gỗ tự nhiên kết hợp MDF chống ẩm tạo hình; hệ sơn Inchem ; hoàn thiện sơn nhũ màu theo thiết kế; liên kết âm, hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế	800	800	770	chiếc	1.00	
71	Bục dựng logo	Khung xương sắt hộp kết hợp xương gỗ MDF Óp hoàn thiện MDF chống ẩm phủ melamine màu xác nhận 3 mặt	MDF chống ẩm lõi xanh, dày ≥18 mm, khối lượng riêng ≥700 kg/m³	3860	300	900	md	3.86	
72	Tủ tài liệu 01	Thùng và cánh sử dụng MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận; Phụ kiện raybi, bản lề giảm chấn Hafele (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết tủ tài liệu 1- ký hiệu I-426)	MDF chống ẩm lõi xanh, dày ≥18 mm, khối lượng riêng ≥700 kg/m³	5450	500	850	md	5.45	
73	Óp than tre sau tủ tài liệu 01	Óp tường trang trí bằng tấm than tre ép mật độ cao, lắp đặt trên hệ khung xương, hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách sau tủ tài liệu 1- ký hiệu I-427)	- Tấm than tre ép mật độ cao, độ dày ≥8–10 mm, khối lượng riêng ≥900 kg/m³, bề mặt vân trang trí theo mẫu; - Hệ khung xương: Thép hộp mạ kẽm, kích thước ≥25×25 mm; khoảng cách khung ≤400 mm	6000		2700	m2	16.20	
74	Tủ tài liệu 02 (cạnh máy in)	Thùng và cánh sử dụng MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận; Phụ kiện raybi, bản lề giảm chấn Hafele (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết tủ tài liệu 2- ký hiệu I-428)	'MDF chống ẩm lõi xanh, dày ≥18 mm, khối lượng riêng ≥700 kg/m³	2500	500	850	md	2.50	
75	Đợt kệ (không bo cong)	Đợt nhôm led hậu, có bộ chuyển đổi nguồn (Chờ nguồn sẵn 220V) Màu: Đe/ xám/ vàng (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách sau tủ tài liệu 2- ký hiệu I-428)	Nhôm định hình, độ dày nhôm ≥1.5 mm, sơn tĩnh điện	1500			chiếc	3.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
76	Ốp than tre sau tủ tài liệu 02	Ốp tường trang trí bằng tấm than tre ép mật độ cao, lắp đặt trên hệ khung xương, hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế. (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách sau tủ tài liệu 2- ký hiệu I-428)	- Tấm than tre ép mật độ cao, độ dày $\geq 8-10$ mm, khối lượng riêng ≥ 900 kg/m ³ , bề mặt vân trang trí theo mẫu; '- Hệ khung xương: Thép hộp mạ kẽm, kích thước $\geq 25 \times 25$ mm; khoảng cách khung ≤ 400 mm	6000		2700	m2	16.20	
77	* Cửa giấu khuôn	Khung xương Plywood, ốp hoàn thiện MDF chống ẩm phủ melamine kết hợp tấm ốp than tre vân vải Bản lề âm Khoá gạt tiêu chuẩn	'- MDF chống ẩm lõi xanh (dày ≥ 18 mm, khối lượng riêng ≥ 700 kg/m ³) phủ melamine. - Tấm ốp than tre ép mật độ cao (độ dày $\geq 8-10$ mm, khối lượng riêng ≥ 900) vân vải. - Bản lề âm Hafele. - Khoá gạt tiêu chuẩn	690	100	2156	bộ	1.00	
78	Ốp trụ than tre	Ốp trực tiếp tấm than tre vân gỗ 84915 bằng keo chuyên dụng, nẹp kim loại Chân nẹp inox la 40mm đen (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách ốp tường- ký hiệu I-430)	Tấm ốp than tre ép mật độ cao (độ dày $\geq 8-10$ mm, khối lượng riêng ≥ 900) vân gỗ (mã 84915)	836	736	2700	m2	8.49	
79	Kệ tủ kết hợp bồn cây giả trang trí 01	Khung và cánh MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận Phụ kiện bản lề, raybi giảm chấn Hafele Mặt sau và 2 hông ốp hoàn thiện tấm than tre mã kim loại xước màu xác nhận khô 1200*2800	MDF chống ẩm lõi xanh (dày ≥ 18 mm, khối lượng riêng ≥ 700 kg/m ³) phủ malemine	1500	450	900	bộ	2.00	
80	Kệ tủ kết hợp bồn cây giả trang trí 02	Chân kệ có gắn bánh xe; len chân kệ gỗ MDF chống ẩm sơn đen (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bồn cây 1/2- ký hiệu I-431/432)	Tấm ốp than tre ép mật độ cao (độ dày $\geq 8-10$ mm, khối lượng riêng ≥ 900) mã kim loại	3000	450	900	bộ	1.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
81	Bàn làm việc 01+02 (mặt bàn hình thang-xanh)	Bàn làm việc: Khung sắt hộp sơn đen hai thành phần Mặt bàn, hông MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận phủ laminate 1 mặt mã LK7101D Mặt bàn gắn kẹp kính+ kính cường lực 8mm trắng mờ (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn làm việc 1/2- ký hiệu I-434/435)	- Khung bàn: thép hộp, kích thước $\geq 30 \times 30$ mm, liên kết hàn kín. Hoàn thiện sơn 2 thành phần (PU/epoxy), màu đen, độ dày lớp sơn $\geq 60-80$ μm; - Mặt bàn: MDF chống ẩm lõi xanh, độ dày ≥ 25 mm, khối lượng riêng ≥ 700 kg/m³; lớp phủ dưới Melamine, lớp phủ trên Laminate mã LK7101D - Hông bàn: MDF chống ẩm lõi xanh, chiều dày ≥ 18 mm, phủ melamine; - Kính chắn bàn: kính cường lực, độ dày 8mm, trắng mờ, kẹp kính bằng inox hoặc hợp kim - Liên kết bàn cam chốt + vít - Chân đế: Đệm cao su chống trượt	1546	650	750	chiếc	4.00	
82	Bàn làm việc 01+02 (mặt bàn hình thang-trắng)	Bàn làm việc: Khung sắt hộp sơn đen hai thành phần Mặt bàn, hông MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận Mặt bàn gắn kẹp kính+ kính cường lực 8mm trắng mờ (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn làm việc 1/2- ký hiệu I-434/435)	- Khung bàn: thép hộp, kích thước $\geq 30 \times 30$ mm, liên kết hàn kín. Hoàn thiện sơn 2 thành phần (PU/epoxy), màu đen, độ dày lớp sơn $\geq 60-80$ μm; - Mặt bàn: MDF chống ẩm lõi xanh, độ dày ≥ 25 mm, khối lượng riêng ≥ 700 kg/m³; lớp phủ dưới Melamine, lớp phủ trên Laminate mã LK7101D - Hông bàn: MDF chống ẩm lõi xanh, chiều dày ≥ 18 mm, phủ melamine mã xác nhận; - Kính chắn bàn: kính cường lực, độ dày 8mm, trắng mờ, kẹp kính bằng inox hoặc hợp kim - Liên kết bàn cam chốt + vít - Chân đế: Đệm cao su chống trượt	1546	650	750	chiếc	8.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
83	Bàn làm việc 03 (mặt bàn hình chữ nhật)	Bàn làm việc: Khung sắt hộp sơn đen hai thành phần Mặt bàn, hông MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận phủ laminate 1 mặt mã LK7101D Mặt bàn gắn kẹp kính+ kính cường lực 8mm trắng mờ (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn làm việc 3- ký hiệu I-436)	- Khung bàn: thép hộp, kích thước $\geq 30 \times 30$ mm, liên kết hàn kín. Hoàn thiện sơn 2 thành phần (PU/epoxy), màu đen, độ dày lớp sơn $\geq 60-80$ μ m; - Mặt bàn: MDF chống ẩm lõi xanh, độ dày ≥ 25 mm, khối lượng riêng ≥ 700 kg/m ³ ; lớp phủ dưới Melamine, lớp phủ trên Laminate mã LK7101D - Hông bàn: MDF chống ẩm lõi xanh, chiều dày ≥ 18 mm, phủ melamine mã xác nhận; - Kính chắn bàn: kính cường lực, độ dày 8mm, trắng mờ, kẹp kính bằng inox hoặc hợp kim - Liên kết bàn cam chốt + vít - Chân đế: Đệm cao su chống trượt	1546	650	750	chiếc	2.00	
84	Tủ hồ sơ chân bàn lv	Thùng và cánh thoát MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận Phụ kiện raybi giảm chấn Hafele Tay nắm âm đen	'MDF chống ẩm lõi xanh (dày ≥ 18 mm, khối lượng riêng ≥ 700 kg/m ³) phủ melamine	330	532	600	chiếc	14.00	
85	Ghế làm việc	Ghế Xoay Lưới MyChair XKTD A Nhập Khẩu hoặc tương đương - Cơ chế đồng bộ đa chức năng với 4 vị trí khóa, tích hợp trượt ghế chính xác, điều khiển bằng dây - Chức năng: Tay ghế 4D: nâng hạ, trái phải, tiến lùi, điều chỉnh tựa lưng và tựa đầu, Nâng hạ chiều cao ghế, chốt góc đứng và chốt góc ngả mọi vị trí (Góc ngả tối đa 135 độ)	- Khung nylon pha sợi thủy tinh - Tựa lưng lưới Wintex Lane Hàn Quốc, hãng lưới hàng đầu thế giới về lưới Văn Phòng - Nệm (đệm): mút (mousse) đúc nguyên khối ngồi êm ái, chống xẹp lún qua nhiều năm sử dụng, độ đàn hồi cao bọc vải Gabriel Medley - Đan Mạch				chiếc	14.00	
PRIVATE PANTRY									
86	Tủ trên	Thùng và cánh MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận	MDF chống ẩm lõi xanh ≥ 18 mm, tỷ trọng ≥ 700 kg/m ³ , chỉ dán cạnh PVC ≥ 1 mm, bản lề giảm chấn Hafele	2470	350	1070	md	2.47	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
87	Tủ dưới	Khoang chậu rửa sử dụng cốt nhựa phủ PVC mã xác nhận Chưa bao gồm mặt đá, chậu vòi Led hắt tính riêng	- Hậu tủ MDF chống ẩm lõi xanh ≥ 9 mm, bọc alu - Ray bi 3 tầng giảm chấn (Hafele)	2470	600	800	md	2.47	
88	Tủ bao tủ lạnh	(Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết tủ Pantry- ký hiệu I-409/I410/I411)	- khe thông gió ≥ 50 mm	770	600	2700	bộ	1.00	
89	Tủ lò vi sóng		- có khe thông gió thiết bị	600	600	2700	bộ	1.00	
90	* Đá ốp mặt tủ dưới	Đá Nung kết mã xác nhận <i>Trình mẫu thực tế trước khi thi công</i> (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết tủ Pantry- ký hiệu I-409/I410/I411)	- Mặt bàn đá nung kết (sintered stone) dày ≥ 12 mm, chịu nhiệt $\geq 300^{\circ}\text{C}$, màu theo thiết kế; hoàn thiện mép vát; lắp đặt trên hệ tủ dưới.	2470	600		md	2.47	
91	* Kính ốp mặt dựng	Kính cường lực 8mm sơn màu xác nhận (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết tủ Pantry- ký hiệu I-409/I410/I411)	Kính cường lực 8 mm sơn màu theo thiết kế; ốp mặt dựng khu pantry; hoàn thiện keo silicone và nẹp.	2470		800	md	2.47	
92	Bàn đảo	Thùng và cánh MDF chống ẩm phủ melamine mã xác nhận Phụ kiện bản lề giảm chấn Hafele Chưa bao gồm phụ kiện công năng, mặt kính (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn đảo- ký hiệu I-412)	MDF chống ẩm lõi xanh (dày ≥ 18 mm, khối lượng riêng $\geq 700 \text{ kg/m}^3$) phủ malemine	2480	870	850	md	2.48	
93	*Kính ốp quanh bàn đảo	Kính cường lực 19mm dán film màu xác nhận (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết bàn đảo- ký hiệu I-412)		2480	870	850	m2	6.43	
94	Ốp trực tiếp tấm than tre vân gỗ 84915	Ốp trực tiếp tấm than tre vân gỗ 84915 bằng keo chuyên dụng, nẹp kim loại Chân nẹp inox la 40mm đen (Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - Chi tiết vách ốp tường- ký hiệu I-413)	"Tấm ốp than tre ép mật độ cao (độ dày $\geq 8-10$ mm, khối lượng riêng ≥ 900) vân gỗ (mã 84915)	1000	820	2700	m2	9.83	
II	HẠNG MỤC KHÁC								
95	Led nội thất	Led thanh nhôm, ánh sáng trung tính; Vị trí bo cong dùng led silicon					md	200.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
96	ĐÈN THẢ PHÒNG EXECUTIVE OFFICE	Đèn thả trang trí cho phòng Executive Office, thiết kế hiện đại tối giản, chất liệu kim loại kết hợp da, hoàn thiện sang trọng. Đèn tích hợp 3 màu ánh sáng gồm ánh sáng trắng, trung tính và vàng ấm, phù hợp sử dụng trong không gian văn phòng cao cấp.	Kích thước: Chiều dài D1500mm x Chiều cao thả H1000mm (Có thể điều chỉnh độ cao linh hoạt theo trần nhà). Chất liệu: * Khung xương bằng Kim loại cao cấp (Chống gỉ, độ bền cao). Bề mặt được bọc Da tính xảo, đường chỉ may tỉ mỉ, tạo cảm giác sang trọng và ấm cúng. Nguồn sáng: Hệ thống LED tích hợp dọc theo thanh đèn, hiệu suất chiếu sáng ổn định, không gây mỏi mắt. Chế độ ánh sáng: Tích hợp 03 chế độ màu tùy chỉnh:Ánh sáng trắng/Ánh sáng trung tính/Ánh sáng vàng ấm				Cái	1.00	
97	ĐÈN BÀN PHÒNG EXECUTIVE OFFICE	Thiết kế theo ngôn ngữ Minimalist (Tối giản) và Modern Architecture. Kiểu dáng thanh mảnh với cấu trúc trục xoay cơ học, tạo điểm nhấn nghệ thuật và sang trọng cho không gian làm việc của lãnh đạo.	Chất liệu: Thân đèn bằng Đồng cao cấp (Brass), bề mặt xử lý mờ hoặc sơn tĩnh điện chống vân tay. Chân đế: Đế đá tự nhiên hoặc đồng nguyên khối, đường kính D140mm, đảm bảo độ vững chãi và thẩm mỹ. Nguồn sáng: Hệ thống dải đèn LED âm vào thanh ngang, chống chói (Anti-glare). Chế độ sáng: Tích hợp LED 03 màu (Trắng / Trung tính / Vàng) phù hợp cho cả làm việc tập trung và thư giãn. Kích thước: 430 x 400 mm				Cái	1.00	
98	ĐÈN BÀN PHÒNG DEPUTY DIRECTOR'S OFFICE	Thiết kế hình khối trụ thanh mảnh kết hợp chao đèn tròn phẳng, mang đậm nét thẩm mỹ Contemporary (Đương đại). Kiểu dáng gọn gàng, tinh tế, không chiếm nhiều diện tích nhưng vẫn tạo điểm nhấn sang trọng cho góc bàn làm việc hoặc kệ sách trong phòng Executive.	Kích thước: Đường kính chao/đế D150mm x Chiều cao H470mm. Chất liệu: Toàn bộ thân và chao đèn bằng Kim loại cao cấp, bề mặt xử lý sơn tĩnh điện mịn màng (Matte finish), chống bám bẩn và trầy xước. Nguồn điện: Sử dụng hình thức Cắm điện trực tiếp, đảm bảo độ sáng ổn định và liên tục cho nhu cầu sử dụng dài ngày. Thông số ánh sáng: * Nhiệt độ màu: 3000K (Ánh sáng vàng ấm). Đặc điểm: Ánh sáng hắt xuống dưới tạo quang sáng dịu nhẹ, không gây chói mắt, lý tưởng để tạo không gian làm việc ấm cúng và chuyên nghiệp.				Cái	1.00	 



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
99	ĐÈN BÀN PHÒNG DIRECTOR'S OFFICE	Thiết kế theo phong cách kiến trúc công nghiệp với hệ thống khớp nối linh hoạt	Chất liệu: Toàn bộ bằng Kim loại sơn đen tĩnh điện cao cấp. Bề mặt sơn mịn (Matte Black), bền màu và chống trầy xước. Cấu tạo khớp nối: * Thân đèn dạng cánh tay đòn với các chốt vận bằng kim loại màu đồng. Khả năng điều chỉnh độ cao, độ vươn và góc chiếu của chao đèn cực kỳ linh hoạt (xoay đa hướng). Chao đèn: Hình bát úp cổ điển, mặt trong thường được sơn trắng hoặc tráng bạc để tối ưu hóa hiệu suất phản chiếu ánh sáng xuống bề mặt làm việc. Chân đế: Đế tròn kim loại nguyên khối, đảm bảo sự ổn định tuyệt đối khi thay đổi góc độ đèn.				Cái	1.00	
100	ĐÈN THẢ PHÒNG PRIVATE PANTRY	Thiết kế dạng Linear (đường thẳng) tối giản với cấu trúc giạt cấp độc đáo, tạo hiệu ứng thị giác hiện đại và phá cách.	Kích thước: * Chiều dài tổng thể: L1200mm. Độ cao giạt cấp: Khoảng 170mm. Dây thả: Có thể điều chỉnh độ cao linh hoạt để phù hợp với cao độ trần. Chất liệu: Kim loại cao cấp xử lý bề mặt nhẵn mịn (sơn tĩnh điện đen hoặc mạ màu kim loại), đảm bảo độ bền và tính thẩm mỹ cao. Nguồn sáng: Hệ thống LED dải chạy dọc theo thân đèn, có lớp tản sáng (diffuser) giúp ánh sáng đều, mịn và không gây chói. Chế độ ánh sáng: Tích hợp 03 màu đèn (Trắng / Trung tính / Vàng ấm) dễ dàng thay đổi theo nhu cầu sử dụng.				Cái	1.00	
101	ĐÈN CÂY PHÒNG WAITING AREA WORKING AREA	Thiết kế dạng vòm (Arc) kinh điển với đường cong thanh thoát, Cấu trúc vòm vươn dài giúp cung cấp ánh sáng tập trung cho khu vực sofa hoặc bàn trà mà không cần lắp đặt đèn trần phức tạp.	Chiều cao: H1800mm, tạo độ vươn lý tưởng và sự bề thế cho không gian. Chất liệu: * Thân đèn: Kim loại nhúng sơn tĩnh điện cao cấp, bề mặt mịn màng, chống ăn mòn và bền màu. Chân đế: Đá tự nhiên nguyên khối, trọng lượng nặng giúp đèn đứng vững chãi, đảm bảo an toàn và tăng giá trị thẩm mỹ. Thông số ánh sáng: Công suất: 7W, Nhiệt độ màu: Đơn sắc tùy chọn theo thiết kế (3000K Vàng ấm / 4000K Trung tính / 6000K Trắng). Chao đèn: Hình bán cầu kim loại đồng nhất màu sắc với thân đèn, giúp định hướng ánh sáng xuống dưới một cách hiệu quả.				Cái	1.00	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
102	ĐÈN THẢ PHÒNG WAITING AREA_WORKING AREA	Thiết kế dạng thanh thẳng (Linear) tối giản tuyệt đối, tập trung vào công năng chiếu sáng và sự gọn gàng cho không gian.	Kích thước: Chiều dài thanh đèn L800mm. Chất liệu: Kim loại cao cấp xử lý sơn tĩnh điện, bề mặt hoàn thiện mịn, bền bỉ và chống bám bụi. Thông số ánh sáng: Công suất: 16W (Đảm bảo độ phủ sáng tốt cho diện tích làm việc cá nhân). Chế độ màu: Tích hợp 03 chế độ ánh sáng (Trắng / Trung tính / Vàng ấm), cho phép thay đổi linh hoạt tùy theo thời điểm và mục đích sử dụng trong ngày. Hệ thống treo: Sử dụng dây cáp mảnh chịu lực, có thể tùy chỉnh độ cao thấp để đảm bảo khoảng cách chiếu sáng tối ưu so với mặt bàn.				Cái	6.00	 
103	ĐÈN BÀN PHÒNG MEETING ROOM	Kích thước: Chiều dài chao đèn L800mm (phiên bản oversized/đặc biệt).	Chất liệu: * Chao đèn: Kim loại sơn tĩnh điện bóng cao cấp (High-gloss finish), mặt trong sơn trắng để tối ưu hóa độ phản xạ ánh sáng. Thân đèn (Đế): Trụ đá trắng nguyên khối, được cắt vát nghệ thuật, đảm bảo độ đầm và vững chãi tuyệt đối. Thông số ánh sáng: Công suất: 16W. Chế độ màu: Tích hợp 03 chế độ ánh sáng (Trắng / Trung tính / Vàng ấm) Đặc điểm chiếu sáng: Ánh sáng gián tiếp hắt xuống dưới, tạo quang cảnh êm dịu, sang trọng và không gây lóa mắt.				Cái	1.00	 
104	ĐÈN LED PANEL MEETING ROOM	Thiết kế dạng tấm chữ nhật siêu mỏng, mang lại vẻ đẹp phẳng mịn và đồng nhất với bề mặt trần thạch cao. Kiểu dáng tối giản, giúp tối ưu hóa không gian và tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, ánh sáng tràn viền hiện đại.	Kích thước: 300mm x 1200mm với độ dày siêu mỏng chỉ 9mm. Chất liệu: Khung viền: Hợp kim nhôm cao cấp, tản nhiệt tốt, kết cấu vững chắc và chống biến dạng. Bề mặt tán quang: Nhựa Mika (PMMA) chất lượng cao, giúp ánh sáng phát ra đồng đều, chống chói và không bị ố vàng theo thời gian. Chế độ ánh sáng: Tích hợp tùy chọn 03 màu sắc ánh sáng: Trắng (6000K-6500K): Tăng cường sự tỉnh táo và tập trung. Trung tính (4000K-4500K): Tạo cảm giác tự nhiên, dễ chịu cho mắt. Vàng (3000K): Mang lại không gian ấm cúng, thư giãn.				Cái	10.00	 



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
105	CHẬU CÂY GIÁ DECOR CÁC PHÒNG	Chậu cây nghệ thuật bọc da - Executive Greenery,Đèn hắt trang trí 3 chế độ màu	Vật liệu hoàn thiện: Chậu: Sự kết hợp giữa khung Kim loại chắc chắn và lớp bọc bề mặt bằng Da cao cấp (Eco-leather). Cây giả (Artificial Tree) loại cao cấp, thân cây xoắn nghệ thuật, lá được làm từ nhựa PE/Vải lụa mô phỏng chi tiết như thật, bền màu và không tốn công chăm sóc. Tính năng tích hợp (Ánh sáng): Hệ thống đèn hắt (Spotlight) âm trong chậu cây hoặc chân đế. Chế độ màu: 03 màu ánh sáng (Trắng / Trung tính / Vàng ấm) giúp tôn vinh hình khối của cây .				Cái	6.00	
106	ĐÁ GIẢ PU+RÊU WAITING AREA_ WORKING AREA	Thiết kế dạng Cảnh quan thu nhỏ (Miniature Landscape)	Vật liệu hoàn thiện: * Thân chậu/Kệ: Khung Kim loại chắc chắn (Hộp kim thép sơn tĩnh điện hoặc đồng mờ), được thiết kế dạng khối chữ nhật nằm ngang thanh mỏng hoặc dạng kệ nhiều tầng (theo ảnh phối cảnh). Tiêu cảnh cốt lõi: Đá: Sử dụng công nghệ mô phỏng Đá giả PU (Polyurethane) cao cấp. Loại đá này có trọng lượng siêu nhẹ, chống ẩm mốc, nhưng bề mặt được chế tác tinh xảo, tái tạo 95% kết cấu, màu sắc và độ nhám của đá tự nhiên. Rêu: Kết hợp với Rêu bảo tồn (Preserved Moss) – rêu thật đã qua xử lý để giữ độ tươi, màu xanh và cấu trúc vĩnh viễn mà không cần tưới nước hay ánh sáng mặt trời. Hệ thống ánh sáng (Tích hợp): Dải đèn LED hoặc đèn Spotlight được giấu khéo léo phía sau các khối đá giả, hắt ngược lên tán cây và thảm rêu. Nguồn điện: Sử dụng hình thức Cắm điện trực tiếp (Direct AC) để đảm bảo nguồn sáng ổn định. Màu ánh sáng: 3000K (Vàng ấm) – tạo quang cảnh êm dịu, ấm cúng và tôn vinh nét đẹp nghệ thuật của tiểu cảnh.				set	1.00	 



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
107	DÉCOR CÂY GIẢ WAITING AREA_WO RKING AREA	Khung và viền: Thân khung: Kim loại sơn đen tĩnh điện (Matte Black), bền màu và chống trầy xước.	Chi tiết hoàn thiện: Sử dụng Viền nẹp nhựa đen tinh tế để che các mối nối, tạo độ sắc nét và chuyên nghiệp cho sản phẩm. Chi tiết tiêu cảnh (Nội dung bên trong): Hậu cảnh: Tấm ốp Đá giả PU (Polyurethane) cao cấp với bề mặt mô phỏng vân đá tự nhiên cực kỳ chân thực nhưng trọng lượng nhẹ. Điểm nhấn: Cây giả thân xoắn nghệ thuật (dáng bonsai hoặc cây thân gỗ) với độ hoàn thiện cao. Nền tiêu cảnh: Kết hợp thảm Rêu giả mịn màng, điểm xuyết Sỏi trắng tự nhiên để tạo độ tương phản màu sắc và chiều sâu cho vách ngăn. Hệ thống ánh sáng & Nguồn: Tích hợp dải đèn LED ẩn hắt sáng từ viền hoặc hắt ngược từ dưới lên để tôn vinh kết cấu của đá và cây. Nguồn điện: Loại cắm điện trực tiếp (AC Powered), đảm bảo độ sáng liên tục cho khu vực văn phòng. Màu ánh sáng: 3000K (Vàng ấm) – mang lại không gian sang trọng và ấm cúng.				set	1.00	
108	LOGO BACKROU ND 1		Nền gỗ MDF sơn inchem dày 17 mm, đèn led hắt sáng, lắp trên khung sắt hộp 30x30x1.2 mm Bộ chữ PETROVIETNAM mặt inox sơn hấp nhiệt màu xanh , dựng thành inox 20mm, chân đế Mica chấu 8mm lót đèn led sáng chân Thanh gạch chân Inox trắng dựng thành inox nổi 20mm, đế chân mica chấu 8mm , led sáng chân. Chữ BSR Inox sơn màu xanh lá hấp nhiệt , dựng thành inox 20mm, chân đế Mica chấu 8mm lót đèn led sáng chân.	3840	2700		m2	10.37	
109	BACKROU ND 2		Tấm ốp thang tre mã vân gỗ đậm dán trên nền ván gỗ Flywood, khung sắt 25x25, Nẹp roan hợp kim titan 5mm, Led máng nhôm bản lớn Bộ chữ PETROVIETNAM + LOGO mặt inox sơn hấp nhiệt màu xanh , dựng thành inox 20mm, chân đế Mica chấu 8mm lót đèn led sáng chân Thanh gạch chân Inox trắng dựng thành inox nổi 20mm, đế chân mica chấu 8mm , led sáng chân. Chữ BSR Inox sơn màu xanh lá hấp nhiệt , dựng thành inox 20mm, chân đế Mica chấu 8mm lót đèn led sáng chân.	5500	2700		m2	14.85	



STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
110	BỘ CHỮ: BSRIC	3860x1200x300x180	Chân đế Nền gỗ MDF sơn inchem dày 17 mm, lắp trên khung sắt hộp 30x30x1.2 mm Bộ chữ BSRIC Mặt sau sắt tấm 2 mm, viền dựng thành và lõng viền sắt tấm 1.2 mm, đế fomate dán nền led modul , mặt trước Mica xanh xuyên sáng				set	1.00	
111	Rèm	Thương hiệu: City Blinds hoặc tương đương. Phân nhóm: Rèm cuốn hệ có hộp kỹ thuật (Cover/Box System) - Chuyên dụng cho không gian hiện đại, văn phòng cao cấp, căn hộ.	Máng che (Hộp kỹ thuật): Sử dụng hệ máng nhôm cao cấp của City Blinds. Đặc điểm: Nhôm đúc dày, bề mặt sơn tĩnh điện mịn, chống bám bụi. Thiết kế máng che kín hoàn toàn trục cuốn, ngăn sáng từ phía trên. Trục cuốn (Tube): Hộp kim nhôm siêu nhẹ, độ cứng cao. Đường kính phổ biến Ø38mm hoặc Ø50mm tùy theo diện tích cửa để chống võng vãi tuyệt đối. Hệ thống vận hành (Clutch System): Bộ đầu kéo trợ lực City Blinds thế hệ mới. Vận hành cực êm, giảm lực kéo lên đến 30% - 40% so với hệ thống thường. Dây kéo hạt nhựa lõi dù siêu bền hoặc dây inox tùy chọn. Thanh đáy (Bottom Rail): Thanh nhôm bản dẹt, trọng lượng nặng vừa đủ để tạo độ căng cho vãi, giảm thiểu tiếng va đập khi có gió. Thông số vãi rèm Dòng Blackout (Cản sáng 100%): Vãi 100% Polyester phủ lớp Acrylic/PVC cao cấp. Độ bền màu cao, không mùi, chịu nhiệt tốt.				m2	130.0	
112	Tủ Lạnh	Tủ lạnh Samsung Inverter 307 lít RB30N4190BU/SV					Cái	1.00	
113	Chậu bếp	Chậu bếp Inox Hafele R25 HS25-SSN1S-760					Cái	1.00	
114	Vòi rửa	Vòi Rửa 577.55.390 Hafele: Đồng, Rút Dài, Nóng/Lạnh					Cái	1.00	
115	Khóa cửa chính	Đề xuất theo mẫu thị trường hoặc thiết kế (Khóa vân tay kết hợp mật khẩu)					cái	1.00	
	Ổ cắm âm bàn	Ổ Cắm Âm Bàn Hộp Desktop Socket Chính hãng TENKO TKAS02DN Màu Bạc					Cái	10.00	Trang 120/149



Ổ cắm âm bàn

STT	HẠNG MỤC	Mô tả kỹ thuật tóm tắt	Quy cách/vật liệu	Kích thước (mm)			ĐVT	SL	GHI CHÚ
				D	S	C			
117	Vận chuyển lên tầng cao	Nhân công					Gói	1.00	
118	Vệ sinh công nghiệp	Vệ sinh công nghiệp sau khi hoàn thành					Gói	1.00	



PHỤ LỤC II.02
HẠNG MỤC: NỘI THẤT
TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VẬT LIỆU

Stt	Vật liệu	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	Gỗ công nghiệp (MDF / HDF / Plywood)		
1	MDF chống ẩm lõi xanh	Sử dụng ván gỗ An Cường hoặc tương đương. Độ dày $\geq 17-18$ mm; tỷ trọng $\geq 680-750$ kg/m ³ ; tiêu chuẩn phát thải Formaldehyde E1 hoặc E0; chống ẩm $\geq 8\%$; bề mặt phủ Melamine/Laminate	
2	HDF	Sử dụng ván gỗ An Cường hoặc tương đương, Tỷ trọng ≥ 800 kg/m ³ ; bề mặt phẳng; độ dày $\geq 8-12$ mm	
3	Plywood	Sử dụng ván gỗ An Cường hoặc tương đương, Độ dày $\geq 12-18$ mm; ≥ 7 lớp veneer; keo WBP chống ẩm	
II	Vật liệu phủ bề mặt		
4	Melamine	Lớp phủ ≥ 0.3 mm; chống trầy xước AC3-AC4	
5	Laminate (HPL)	Độ dày $\geq 0.7-1.0$ mm; chịu nhiệt $\geq 180^{\circ}\text{C}$; chống trầy xước	
6	Sơn PU / 2K / Inchem	Sơn 2 thành phần; ≥ 3 lớp sơn lót + 2 lớp phủ; độ dày lớp sơn $\geq 80-120$ μm	
III	Kim loại		
7	Thép sơn tĩnh điện	Thép $\geq 1.2-1.5$ mm; sơn tĩnh điện $\geq 60-80$ μm ; chống gỉ	
8	Inox	Inox 304; độ dày $\geq 1.0-1.2$ mm; bề mặt hairline hoặc mirror	
IV	Kính		
9	Kính cường lực	Độ dày 8-12 mm; tiêu chuẩn TCVN 7455; mài cạnh an toàn	

Stt	Vật liệu	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
10	Kính sơn màu	Kính cường lực 8 mm sơn màu sau; lớp sơn chịu ẩm	
V	Đá		
11	Đá nhân tạo / đá nung kết	Độ dày $\geq 12-20$ mm; chịu lực ≥ 250 kg/cm ² ; chống thấm	
12	Đá granite	Độ dày $\geq 18-20$ mm; xử lý chống thấm	
VI	Vật liệu bọc		
13	Da công nghiệp	PU/PVC; độ bền ≥ 50.000 lần ma sát (Martindale)	
14	Vải / ni bọc ghế	Martindale $\geq 40.000-60.000$; chống cháy BS5852	
VII	Mút đệm ghế		
15	Mút K43	Tỷ trọng ≥ 43 kg/m ³ ; độ đàn hồi cao; chống xẹp	
VIII	Phụ kiện tủ		
16	Bản lề	Hafele hoặc tương đương. Bản lề giảm chấn; ≥ 80.000 lần đóng mở, Hafele hoặc tương đương.	
17	Ray trượt	Ray giảm chấn 3 tầng; tải $\geq 30-45$ kg, Hafele hoặc tương đương.	
18	Tay nắm	Hộp kim nhôm / inox, Hafele hoặc tương đương.	
IX	Hệ thống chiếu sáng		
19	LED hắt	LED 12V/24V; CRI ≥ 80 ; tuổi thọ ≥ 30.000 giờ	
20	Nguồn LED	Driver ổn định; bảo vệ quá tải	
X	Vật liệu tiêu âm – trang trí		
21	Bông thủy tinh	Dày ≥ 50 mm; tỷ trọng ≥ 12 kg/m ³	
22	Tấm trang trí	WPC / PVC / lam sóng	
XI	Vật liệu sàn		



Stt	Vật liệu	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
23	Sàn gỗ công nghiệp	Dày ≥ 12 mm; tiêu chuẩn AC4; chống nước	
24	Sàn nhựa SPC	Dày $\geq 4-5$ mm; chống nước	



Phần 3. HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

CHƯƠNG VI. HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG

Số: -20..../HĐ/BSR-....-ĐMST

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN – TỔNG CÔNG TY LỘC HÓA DẦU VIỆT NAM

CÙNG

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN – TỔNG CÔNG TY LỘC HÓA DẦU
VIỆT NAM – TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO BSR**

VÀ

.....

VỀ VIỆC

[tên gói thầu]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----&-----

HỢP ĐỒNG

Số: -20.../HĐ/BSR-....-ĐMST

Về việc [tên gói thầu]

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của các Bên,

Hôm nay, ngày tháng năm 20....., tại Công ty cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam, 208 Hùng Vương, tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN – TỔNG CÔNG TY LỌC HÓA DẦU VIỆT NAM

Đại diện : Ông/Bà Chức vụ:

(Theo Quyết định ủy quyền số/QĐ-BSR ngày)

Địa chỉ : Số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại : 0255 3825825 Fax: 02553 825826

Tài khoản số : 0271.00.777777.9 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương, chi nhánh Quảng Ngãi

Mã số thuế : 4300378569.

BÊN B:

Đại diện : Ông/Bà Chức vụ:

(Được ủy quyền theo thư ủy quyền sốngày.....)

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Tài khoản số :

Mã số thuế :

BÊN C: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN – TỔNG CÔNG TY LỌC HÓA DẦU VIỆT NAM – TRUNG TÂM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO BSR

Đại diện : Ông **Trần Hải Ninh** Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh**

(Theo Quyết định ủy quyền số/QĐ-BSR ngày)

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Tài khoản số :

Mã số thuế :



Ba bên thỏa thuận ký kết hợp đồng [tên gói thầu] với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng Hợp đồng

Đối tượng của Hợp đồng là các Dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo (sau đây gọi tắt là Dịch vụ).

Điều 2: Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- 2.1 Văn bản Hợp đồng (kèm theo các Phụ lục);
- 2.2 Biên bản thương thảo Hợp đồng (nếu có), Biên bản hoàn thiện Hợp đồng;
- 2.3 Quyết định phê duyệt KQLCNT;
- 2.4 HSMT, HSYC, YCBG và các tài liệu sửa đổi các hồ sơ này, nếu có;
- 2.5 HSDT, HSDX, BG và các văn bản làm rõ các hồ sơ này của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- 2.6 Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3: Giá Hợp đồng và Phương thức thanh toán

- 3.1 Giá trị Hợp đồng: ... **đồng** (*Bằng chữ: ... đồng*). Giá trên đã bao gồm tất cả các loại thuế và các chi phí khác để Bên B hoàn thành dịch vụ. Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm.
- 3.2 Phương thức thanh toán: Được quy định tại Điều 8 - Điều khoản và điều kiện Hợp đồng.

Điều 4: Loại Hợp đồng

Loại Hợp đồng:, được quy định tại Điều 4 - Điều khoản và điều kiện Hợp đồng.

Điều 5: Thời gian thực hiện Hợp đồng

Được quy định tại Điều 5 - Điều khoản và điều kiện Hợp đồng.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của các bên

- 6.1 Bên A chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định đối với Bên A theo quy định của Hợp đồng này. Các nội dung cụ thể được quy định tại Điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.
- 6.2 Bên B chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định đối với Bên B theo quy định của Hợp đồng này. Các nội dung cụ thể được quy định tại Điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.
- 6.3 Bên C chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định đối với Bên C theo quy định của Hợp đồng này. Các nội dung cụ thể được quy định tại Điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

Điều 7: Điều khoản chung

- 7.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 7.2 Hợp đồng hết hiệu lực khi ba bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng.
- 7.3 Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý khi ba bên hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Thanh lý Hợp đồng chỉ được tiến hành trong các trường hợp: Hợp đồng theo đơn giá; việc thanh toán theo Hợp đồng được thực hiện từ 3 lần trở lên bao gồm các lần tạm ứng; Hợp đồng trọn gói thanh toán dưới 3 lần nhưng có phát sinh về phạt/bồi thường theo quy định Hợp đồng.



- 7.4 Ba bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Hợp đồng này, bất kỳ sự thay đổi hay bổ sung bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này đều phải được chấp thuận bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của cả ba bên.
- 7.5 Không bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ tư nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại.
- 7.6 Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN C



ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng số:-20.../HĐ/BSR-.....-ĐSMT ngày/...../20....)

Điều 1: Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1 “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Bên A cùng Bên C và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được ba bên ký kết, bao gồm các phụ lục và tài liệu kèm theo.
- 1.2 “Giá hợp đồng” là tổng số tiền mà Bên A cùng Bên C đã thỏa thuận với Bên B theo Hợp đồng.
- 1.3 “Dịch vụ” là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng.
- 1.4 “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 1.5 “Ngày làm việc” là ngày từ thứ hai đến thứ sáu, không bao gồm thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định của luật Việt Nam hoặc theo thỏa thuận của các bên.

Điều 2: Phạm vi công việc

- 2.1 Phạm vi công việc như Phụ lục 01 đính kèm.

Điều 3: Chất lượng dịch vụ và bảo hành.

- 3.1 Chất lượng dịch vụ: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về nội dung của Bên A cùng Bên C được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 của Hợp đồng.
- 3.2. Bảo hành [áp dụng/không áp dụng]
 - 3.2.1 Thời hạn bảo hành: tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu dịch vụ.
 - 3.2.2 Bên B có trách nhiệm bảo hành những lỗi kỹ thuật do công tác thực hiện của Bên B gây ra.
 - 3.2.3 Trong thời hạn bảo hành, nếu phát hiện thấy bất kỳ một lỗi nào phát sinh, không đảm bảo như quy định của Hợp đồng, Bên A cùng Bên C có quyền yêu cầu Bên B tham gia vào việc kiểm tra, xác định lỗi. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A cùng Bên C, Bên B phải gửi thông báo kế hoạch thực hiện nghĩa vụ Bảo hành cho Bên A cùng Bên C để xem xét và thống nhất, và cử đại diện có chức năng tham gia vào việc kiểm tra, xác định.
 - 3.2.4 Nếu Bên B không khắc phục được các khiếm khuyết, hư hỏng trong khoảng thời gian mười lăm (15) ngày làm việc, Bên A cùng Bên C sẽ tự khắc phục sửa chữa bằng nhân lực và chi phí của mình hoặc thông qua bên thứ tư. Trong trường hợp này, Bên B chịu trách nhiệm hoàn trả cho Bên A cùng Bên C toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế này căn cứ theo các chứng từ hợp lệ mà Bên A cùng Bên C cung cấp.
 - 3.2.5 Bên B sẽ không chịu trách nhiệm bảo hành nếu hư hỏng là do lỗi của người sử dụng của Bên A cùng Bên C gây ra.

Điều 4: Loại Hợp đồng, Đơn giá, Thuế

- 4.1 Loại Hợp đồng:, bao gồm tất cả các loại chi phí cần thiết, các loại thuế, phí/lệ phí để Bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng này.



- 4.2 Đơn giá của Hợp đồng được quy định tại Phụ lục 02 của Hợp đồng.
- 4.3 Trừ khi có thỏa thuận khác giữa Bên A cùng Bên C và Bên B, đơn giá Hợp đồng nêu trên sẽ cố định trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

Điều 5: Thời gian thực hiện Hợp đồng và Phương thức triển khai Dịch vụ

- 5.1 Thời gian thực hiện Hợp đồng: ... [ngày/tuần/tháng] kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- 5.2 Phương thức triển khai Dịch vụ: theo quy định tại Phụ lục ...- Phạm vi công việc.

Điều 6: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

- 6.1 Trước khi Hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp cho Bên C một bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng hình thức bảo lãnh của ngân hàng có giá trị bằng% giá trị Hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến:
- i) ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc ngày chuyển sang nghĩa vụ bảo hành (đối với trường hợp có quy định về bảo hành); hoặc
- ii) sau 30 ngày kể từ ngày các bên ký Biên bản nghiệm thu toàn bộ hàng hóa/dịch vụ của Hợp đồng đã ký (ngày ký Biên bản nghiệm thu tạm tính là 30 ngày kể từ ngày hoàn thành toàn bộ công việc theo Hợp đồng).
- 6.2 Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên C như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.
- 6.3 Bên C phải hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên B ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi toàn bộ công việc theo Hợp đồng được nghiệm thu, đồng thời Bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định (nếu có).
- 6.4 Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn tương ứng nếu thời gian thực hiện Hợp đồng kéo dài so với thời gian ghi trong Hợp đồng.

Điều 7: Bảo hiểm và các rủi ro

- 7.1 Bảo hiểm
- 7.1.1 Bên B sẽ có trách nhiệm mua và duy trì trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng những bảo hiểm đối với người, tài sản và thiết bị của Bên B theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.
- 7.1.2 Bên A cùng Bên C sẽ chịu trách nhiệm mua và duy trì những bảo hiểm đối với người, tài sản và thiết bị của Bên A cùng Bên C theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- 7.2 Trách nhiệm pháp lý đối với bên thứ tư
- Mỗi bên trong Hợp đồng này sẽ phải tự chịu trách nhiệm, đồng thời phải bảo vệ, bồi thường và miễn trách cho bên kia khỏi tất cả những khiếu nại, mất mát, hư hỏng, chi phí (bao gồm cả chi phí cho luật sư, chi phí tố tụng..v.v.), liên quan tới thương tật, tử vong đối với người của bên thứ tư hoặc tài sản của bên thứ tư trong quá trình thực hiện Hợp đồng này. Trách nhiệm của bên vi phạm phải gánh chịu sẽ tùy thuộc vào lỗi của bên đó và theo sự quyết định của Tòa án hoặc của bất kỳ bên thứ tư có thẩm quyền nào.
- 7.3 Trách nhiệm về các thiệt hại gián tiếp, phát sinh
- Mỗi bên trong Hợp đồng này sẽ phải chịu trách nhiệm đối với bên kia về những khoản thiệt hại do nhân sự và các nguyên nhân khác gây ra cho bên kia trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

Điều 8: Thanh toán



Hình thức thanh toán: Bên C thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản theo các lần như sau:

- Lần 1: Bên C tạm ứng cho Bên B ... % giá trị của Hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ tạm ứng hợp lệ của Bên B bao gồm:
 - ✓ Công văn đề nghị tạm ứng (bản gốc);
 - ✓ Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng phát hành bởi ngân hàng có giá trị bằng giá trị tạm ứng, có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận được khoản tạm ứng theo Hợp đồng cho đến : i) ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc ngày chuyển sang nghĩa vụ bảo hành (đối với trường hợp có quy định về bảo hành); hoặc ii) sau 30 ngày kể từ ngày các bên ký Biên bản nghiệm thu toàn bộ hàng hóa/dịch vụ của Hợp đồng đã ký (ngày ký Biên bản nghiệm thu tạm tính là 30 ngày kể từ ngày hoàn thành toàn bộ công việc theo Hợp đồng) (bản gốc);
 - ✓ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng như quy định tại Điều 6 (bản gốc).
- Lần 2: Bên C sẽ thanh toán cho Bên B số tiền còn lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên C nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:
 - ✓ Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc);
 - ✓ Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính xuất cho Bên C (bản gốc/bản điện tử);
 - ✓ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc (bản gốc);
 - ✓ Báo cáo kết quả, bảng chấm công, các chứng từ khác (nếu cần theo từng gói thầu);
 - ✓ Biên bản thanh lý hợp đồng [*Áp dụng trong trường hợp Hợp đồng theo đơn giá hoặc việc thanh toán Hợp đồng được thực hiện từ 3 lần trở lên bao gồm các lần tạm ứng hoặc phát sinh phạt vi phạm Hợp đồng thì hai bên tiến hành ký Biên bản thanh lý Hợp đồng*] (bản gốc).

Điều 9: Phạt vi phạm Hợp đồng, bồi thường thiệt hại:

- 9.1 Nhân sự Bên B khi thực hiện công việc (cung cấp vật tư, thực hiện dịch vụ) tại địa điểm thực hiện công việc quy định tại Phụ lục 01 - Phạm vi công việc của Hợp đồng mà vi phạm các quy định của đơn vị quản lý, vận hành hoặc khai thác khu vực thực hiện công việc về an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường và phòng cháy chữa cháy (ATSKMT), Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm và thanh toán/hoàn trả cho Bên A mọi khoản phạt, chi phí xử lý, chi phí khắc phục, chi phí bồi hoàn và/hoặc thiệt hại phát sinh do hành vi vi phạm đó gây ra theo quy định của Hợp đồng, quy định của đơn vị quản lý khu vực thực hiện công việc và quy định pháp luật có liên quan.
- 9.2 Bên B thực hiện dịch vụ chậm, không đúng thời hạn quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này thì Bên B phải nộp phạt với tỷ lệ (giá trị phạt không bao gồm thuế VAT của dịch vụ). Mức phạt cụ thể như sau:
 - Mức phạt chậm: 1% giá trị Hợp đồng/tuần. Mức phạt tối đa: 8% giá trị Hợp đồng
- 9.3 Bên B đơn phương hủy Hợp đồng sau khi Hợp đồng đã có hiệu lực sẽ bị phạt 8% giá trị hợp đồng và bị thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (nếu có), ngoại trừ trường hợp bất khả kháng.
- 9.4 Trong trường hợp Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A theo quy định của pháp luật.
- 9.5 Bên A đơn phương hủy Hợp đồng sau khi Hợp đồng đã có hiệu lực thì sẽ bị phạt 8% tổng giá trị hợp đồng và có trách nhiệm hoàn trả mọi chi phí mà Bên B đã chi trả cho việc chuẩn



bị thực hiện Hợp đồng, căn cứ chứng từ hợp lệ do Bên B cung cấp.

Điều 10: Chấm dứt Hợp đồng

10.1 Bên A cùng Bên C có thể chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:

10.1.1 Bên B thực hiện Dịch vụ bị muộn hơn 30 ngày so với thời gian quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng hoặc các trường hợp khác được Bên A cùng Bên C chấp thuận bằng văn bản. Trong trường hợp này, ngoài việc phạt vi phạm Hợp đồng, Bên A cùng Bên C sẽ gửi thông báo cho Bên B và có quyền hủy Hợp đồng này vào bất cứ lúc nào mà không cần phải đưa vụ việc ra tòa;

10.1.2 Bên B bị phá sản, giải thể;

10.1.3 Các hành vi khác như không cung cấp Dịch vụ theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng.

10.2 Trong trường hợp Bên A cùng Bên C chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo điểm 1 khoản 10.1 của Điều này, Bên A cùng Bên C có thể ký Hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A cùng Bên C những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt.

10.3 Trong trường hợp Bên A cùng Bên C chấm dứt Hợp đồng theo điểm 1 khoản 10.1 Điều này, Bên A cùng Bên C không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A cùng Bên C được hưởng theo quy định của Hợp đồng và Pháp luật.

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của các bên

11.1 *Quyền và nghĩa vụ của Bên A cùng Bên C*

- Bên C thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn cho Bên B theo Điều 8 như tại Điều khoản và điều kiện của Hợp đồng;
- Bố trí nhân sự giám sát quá trình thực hiện Hợp đồng của Bên B;
- Bên C ký nhận biên bản nghiệm thu, bảng chấm công nhân sự và các giấy tờ khác liên quan đến Hợp đồng;
- Phối hợp với Bên B giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

11.2 *Quyền và nghĩa vụ của Bên B*

- Cam kết cung cấp đầy đủ công việc và dịch vụ như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Hợp đồng.
- Phải có trách nhiệm cung cấp nhân sự có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp, các trang thiết bị để thực hiện tốt dịch vụ.
- Phối hợp với Bên A cùng Bên C giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Trình đủ bộ hồ sơ thanh toán như quy định tại Điều 8.
- Phải chịu mọi khoản chi phí phát sinh do lỗi của Bên B.
- Ký nhận biên bản đối chiếu công nợ và các hóa đơn, chứng từ liên quan đến Hợp đồng.



- Tuyệt đối tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định của Bên A cùng Bên C, các điều kiện về an toàn môi trường, phòng chống cháy nổ, kiểm định, đo lường...
- Chịu tất cả các phí tổn, thiệt hại và chi phí phát sinh cho Bên A cùng Bên C do không cung cấp đủ dịch vụ cho Bên A cùng Bên C hoặc do việc không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình được quy định trong Hợp đồng này.
- Trong quá trình thực hiện dịch vụ, nếu phát hiện đối tượng có nguy cơ dẫn đến sự cố, tai nạn lao động thì phải ngừng việc thực hiện dịch vụ và thông báo cho Bên A cùng Bên C biết để có biện pháp khắc phục.
- Hoàn thành dịch vụ đầy đủ, chính xác và chất lượng theo đúng tiến độ quy định.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc vi phạm các quy định đó dẫn tới như chậm tiến độ thực hiện công việc, thiệt hại về người và tài sản của Bên A cùng Bên C nhưng sẽ miễn trách nhiệm nếu việc chậm trễ tiến độ do Bên A cùng Bên C chậm trễ thực hiện trả tiền theo quy định tại Điều 8- Điều khoản và điều kiện Hợp đồng.
- Không được chuyển Hợp đồng này cho bên thứ khác thực hiện nếu không được sự đồng ý bằng văn bản trước đó của Bên A cùng Bên C.

Điều 12: Bảo mật

12.1 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A cùng Bên C, Bên B không được tiết lộ nội dung của Hợp đồng cũng như các thông tin do Bên A cùng Bên C hoặc đại diện của Bên A cùng Bên C cung cấp cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng.

12.2 Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A cùng Bên C, Bên B không được lợi dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong khoản 12.1 Điều này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện Hợp đồng.

Các tài liệu nêu tại khoản 12.1 Điều này thuộc quyền sở hữu của Bên A cùng Bên C. Khi Bên A cùng Bên C có yêu cầu, Bên B phải trả lại cho Bên A cùng Bên C các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 13: Bất khả kháng:

13.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

13.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

13.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.



Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 14.

Điều 14: Giải quyết tranh chấp

- 14.1 Bất kỳ sự tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa các bên trên tinh thần hợp tác, hiểu biết lẫn nhau.
- 14.2 Các tranh chấp giữa các bên không tự giải quyết được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.
- 14.3 Phán quyết của Tòa án là cuối cùng và buộc các bên phải thi hành.



PHỤ LỤC 01: PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Kèm theo Hợp đồng số -20.../HĐ/BSR-...-ĐSMT ngày / /20...)



PHỤ LỤC 02: GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số : -20..../HD/BSR-...-ĐMST ngày / /20.....)

Ghi chú:

- Giá trên đã bao gồm tất cả các loại thuế và các chi phí khác để nhà thầu hoàn thành dịch vụ.
- Thuế VAT sẽ được xác định tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước.



PHỤ LỤC 03 - CÁC BIỂU MẪU CỦA HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số:-20..../HD/ BSR-.....)

Mẫu số 1

BẢO LÃNH HOÀN TRẢ TIỀN TẠM ỨNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi là Bên mời thầu)

[Ghi tên Hợp đồng, số Hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong Các điều khoản và điều kiện Hợp đồng, ____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Bên mời thầu một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [Ghi tên của ngân hàng] ở ____ [Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Bên mời thầu, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Bên mời thầu khi Bên mời thầu có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Các điều khoản và điều kiện Hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Bên mời thầu sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên mời thầu thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 8 - Điều khoản và điều kiện Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Bên mời thầu về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận được khoản tạm ứng theo Hợp đồng cho tới ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ hoặc khi Bên mời thầu thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Điền ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo quy định tại Điều 8 -Điều khoản và điều kiện Hợp đồng.

Trong trường hợp Nhà thầu không dùng theo mẫu Bảo lãnh tạm ứng của Bên mời thầu thì Nhà thầu có thể dùng theo mẫu của Ngân hàng mà Nhà thầu chỉ định nhận tiền thanh toán/tạm ứng trong hợp đồng, tuy nhiên nội dung Bảo lãnh vẫn phải đáp ứng các yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục 03 của Hợp đồng.



Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi các thông tin được ghi đầy đủ sẽ trở thành một phần của Hợp đồng, gồm:

Mẫu số 14. Thông báo trúng thầu.

Mẫu số 15. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 16. Bảo lãnh tiền tạm ứng



THÔNG BÁO TRÚNG THẦU

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo trúng thầu*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu: ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu]* xin thông báo Nhà thầu *[ghi tên Nhà thầu]* đã trúng thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu của phần mà Nhà thầu được lựa chọn]* với giá trúng thầu là: ____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là: ____ *[ghi thời gian thực theo quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo Hồ sơ hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VII. Biểu mẫu hợp đồng của Hồ sơ mời thầu và nộp bản gốc cho Bên mời thầu trong vòng 03 ngày kể từ ngày phát hành bảo đảm thực hiện hợp đồng. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là ____ với thời gian có hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại HSMT]* kể từ ngày phát hành.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của Hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, đồng thời Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn không thay đổi. Bên mời thầu sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không còn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện,



ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hồ sơ hợp đồng gồm Văn bản hợp đồng kèm Phụ lục hợp đồng.

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Thư bảo lãnh dự thầu của Nhà thầu.



BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____[ghi tên Bên mời thầu]

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____[ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____[ghi tên của ngân hàng] ở [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____[ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên mời thầu thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Nhà thầu báo cáo Bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____[ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____[ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại dự thảo hợp đồng.



BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi là Bên mời thầu)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện Hợp đồng, ____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Bên mời thầu một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Bên mời thầu, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Bên mời thầu khi Bên mời thầu có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Hợp đồng]

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Bên mời thầu sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên mời thầu thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Bên mời thầu về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi Bên mời thầu thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Điền ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo quy định tại Điều 8 - Điều khoản và điều kiện Hợp đồng.

Trong trường hợp Nhà thầu không dùng theo mẫu Bảo lãnh tạm ứng của Bên mời thầu thì Nhà thầu có thể dùng theo mẫu của Ngân hàng mà Nhà thầu chỉ định nhận tiền thanh toán/tạm ứng trong hợp đồng, tuy nhiên nội dung Bảo lãnh vẫn phải đáp ứng các yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục 03 của Hợp đồng.

Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, nếu cần thiết, Bên mời thầu yêu cầu Nhà thầu. gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.



PHẦN 4: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH VÀ HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI HÌNH THỨC NỘP HỒ SƠ QUA HỆ THỐNG

CHƯƠNG VIII – TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ HSMT ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI HÌNH THỨC NỘP QUA HỆ THỐNG

(Đính kèm HSMT gói thầu “Thuê dịch vụ trang bị và thi công nội thất văn phòng chi nhánh Trung tâm Đổi mới sáng tạo BSR tại Đà Nẵng theo Đơn hàng số 62/1100004175/ĐH-ĐMST”)

STT	Nội dung theo HSMT theo phương thức nộp trực tiếp	Nội dung theo HSMT theo phương thức nộp qua hệ thống
1	Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp	Không áp dụng đối với hồ sơ nộp qua hệ thống.
2	Có bản gốc HSMT	Có bản gốc HSMT hoặc bản scan HSMT nộp thành công vào Hệ thống nộp/nhận hồ sơ thầu qua hệ thống của BSR trước thời điểm đóng thầu. Hướng dẫn chi tiết như tại Chương IX của Hồ sơ mời thầu.
3	Có bản gốc đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh	Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh. Đối với HSMT nộp qua hệ thống, đơn dự thầu là bản scan màu, có ký tên (có thể ký điện tử nếu nhà thầu có sử dụng chữ ký điện tử), đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT, nhà thầu cung cấp địa chỉ email, số điện thoại của người đại diện theo pháp luật để Tổ chuyên gia liên lạc xác nhận.
4	Có bảo đảm dự thầu hợp lệ: Có bản gốc bảo đảm dự thầu	Có bản gốc bảo lãnh dự thầu, chuyển khoản vào tài khoản BSR hoặc bảo lãnh bằng điện



STT	Nội dung theo HSMT theo phương thức nộp trực tiếp	Nội dung theo HSMT theo phương thức nộp qua hệ thống
		đến ngân hàng thông báo do bên mời thầu lựa chọn. Trong cả ba trường hợp, nhà thầu phải đảm bảo BSR nhận được bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu.
5	Có bản gốc Thỏa thuận liên danh hợp lệ. Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong Bảng giá dự thầu	Đối với hình thức nộp qua hệ thống phải có bản scan màu thỏa thuận liên danh nộp thành công qua hệ thống.

Các nội dung về đánh giá tính hợp lệ của HSDT còn lại được giữ nguyên như hình thức nộp trực tiếp .



CHƯƠNG IX: HƯỚNG DẪN NỘP HỒ SƠ THẦU QUA HỆ THỐNG

(Đính kèm HSMT gói thầu “Thuê dịch vụ trang bị và thi công nội thất văn phòng chi nhánh Trung tâm Đổi mới sáng tạo BSR tại Đà Nẵng theo Đơn hàng số 62/1100004175/ĐH-ĐMST)

I. HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ QUA HỆ THỐNG BSR

Thông tin mời thầu của BSR được đăng tải trên trang Web của Công ty theo đường dẫn: <https://bsr.com.vn/vi/moi-thau>;

Nhà thầu hoàn thiện thủ tục mua Hồ sơ mời thầu (HSMT) và liên hệ nhân sự phụ trách bán HSMT của BSR để nhận HSMT thông qua email;

Đến hạn nộp Hồ sơ dự thầu (HSDT) mà Nhà thầu không thể nộp HSDT trực tiếp hoặc qua đường bưu điện thì Nhà thầu có thể thực hiện nộp thầu qua hệ thống của BSR theo đường dẫn: <https://dauthau.bsr.com.vn>;

Các yêu cầu chuẩn bị HSDT và các bước thực hiện việc nộp thầu điện tử được quy định như sau:

a. Các bước chuẩn bị hồ sơ sẵn sàng nộp thầu qua hệ thống.

Nhà thầu chuẩn bị HSDT để nộp qua hệ thống tuân thủ các quy định, điều chỉnh tại PHỤ LỤC 02: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDT ĐỐI VỚI HÌNH THỨC NỘP QUA HỆ THỐNG;

Chuyển hết nội dung HSDT qua định dạng *pdf và đặt chế độ bảo mật không thể chỉnh sửa, chỉ có quyền đọc (read only) hoặc thực hiện ký điện tử trên HSDT;

Để thuận tiện trong việc chấm thầu, đối với các hồ sơ đề xuất, nhà thầu tách thành các file .pdf riêng biệt, đánh số thứ tự và tên file như sau:

- ✓ Đơn dự thầu, Biểu giá chào (*);
- ✓ Thư giảm giá (nếu có (**));
- ✓ Bảo đảm dự thầu;
- ✓ Hồ sơ chứng minh tính hợp lệ;
- ✓ Hồ sơ năng lực kinh nghiệm;
- ✓ Đề xuất kỹ thuật;
- ✓ Tài liệu khác liên quan.

Ghi chú: Đối với phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ, thì các mục (*) và (**) ghi là Hồ sơ đề xuất tài chính, nén thành 1 file riêng và đặt mật khẩu riêng, chỉ cung cấp mật khẩu này cho TCG trong giai đoạn mở Hồ sơ đề xuất tài chính.



Dùng ứng dụng nén dữ liệu để chuyển HSDT về dạng file nén *rar hoặc *zip. File nén này Nhà thầu cần đặt Mật khẩu (Password) để bảo vệ. Nhà thầu chỉ cung cấp Mật khẩu để mở file/giải nén cho Tổ chuyên gia BSR tại thời điểm mở thầu trực tiếp hoặc trực tuyến. Khuyến nghị Nhà thầu đặt mật khẩu mạnh để đảm bảo tính bảo mật (Mật khẩu dài ít nhất 8 ký tự, bao gồm chữ hoa, chữ thường, số, ký tự đặc biệt...).

Lưu ý:

- Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về bảo quản Mật khẩu đã đặt và chỉ cung cấp cho BSR tại thời điểm mở thầu. Tại thời điểm mở thầu Nhà thầu không cung cấp mật khẩu hoặc không thể cung cấp mật khẩu để giải nén file HSDT thì Nhà thầu sẽ được đánh giá là đã nộp HSDT trễ hạn;
- Tên file nén *rar hoặc *zip cần đặt theo cấu trúc: **Tên Nhà thầu-HSDT-Số đơn hàng của BSR- tên viết tắt ban phụ trách mua sắm**. Ví dụ ‘Công ty ABC-HSDT-DH270-21-1980-TMDV’

b. Các bước thực hiện nộp HSDT qua hệ thống.

Thông báo cho nhân sự phụ trách bán HSMT của BSR biết Nhà thầu sẽ thực hiện hình thức nộp hồ sơ thầu qua hệ thống trước thời điểm đóng thầu ít nhất 48 giờ (tính theo lịch ngày làm việc);

Nhân sự phụ trách bán HSMT của BSR sẽ tạo thông tin Nhà thầu cần nộp thầu qua hệ thống theo quy định của BSR để hệ thống tự động cung cấp tài khoản (tên đăng nhập, mật khẩu) để Nhà thầu thực hiện nộp thầu theo đường dẫn <https://dauthau.bsr.com.vn>;

Khi nhà thầu truy cập trang web <https://dauthau.bsr.com.vn> theo đường link được gửi đến email và hoàn thành việc nộp thầu. Sau khi hoàn thành việc nộp hồ sơ thì hệ thống sẽ tự động thông báo về email nhà thầu xác nhận đã nộp thầu thành công.

Lưu ý:

- Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm bảo mật Tài khoản đã được cung cấp để thực hiện nộp thầu (nhà thầu có thể đổi mật khẩu để có mật khẩu bảo mật theo chủ đích mong muốn).
- Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm bảo mật Mật khẩu của file nén *rar hoặc *zip của HSDT và chỉ cung cấp cho BSR tại thời điểm mở thầu. Tại thời điểm mở thầu Nhà thầu không cung cấp mật khẩu hoặc không thể cung cấp mật khẩu để giải nén file HSDT thì Nhà thầu sẽ được đánh giá là đã nộp HSDT trễ hạn.

II. HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM DỰ THẦU

- Khi nộp hồ sơ qua hệ thống, nhà thầu có thể chọn 1 trong 3 hình thức Bảo đảm dự thầu như sau:



1. Điện bảo lãnh của ngân hàng;
 2. Chuyển khoản vào tài khoản BSR;
 3. Bảo lãnh dự thầu do ngân hàng phát hành;
- Nội dung, giá trị, thời hạn hiệu lực của Bảo đảm dự thầu như quy định tại Hồ sơ mới thầu này.
 - Đối với hình thức Bảo đảm dự thầu bằng điện bảo lãnh của Ngân hàng, trước khi phát hành điện bảo lãnh chính thức, đề nghị nhà thầu yêu cầu ngân hàng phát hành gửi trước bản thảo để BSR kiểm tra nội dung về quy định đòi tiền của ngân hàng phát hành, đảm bảo việc thu tiền bảo lãnh của BSR khi xảy ra tình huống phải thu bảo lãnh dự thầu được thuận lợi.
 - Bảo lãnh dự thầu bằng điện được gửi đến một trong các ngân hàng thông báo do BSR lựa chọn sử dụng. Danh sách ngân hàng thông báo bảo lãnh cho BSR như liệt kê bên dưới:

STT	Ngân hàng	SWIFT CODE
1	Vietcombank – Chi nhánh Quảng Ngãi	BFTVVNVX027
2	Vietinbank – Chi nhánh Quảng Ngãi	ICBVVNVX520
3	BIDV – Chi nhánh Quảng Ngãi	BIDVVNVX
4	PVcomBank – Chi nhánh Quảng Ngãi	WBVVNVX
5	Techcombank - Chi nhánh Quảng Ngãi	VTCTB VNVX
6	Ngân hàng Liên Việt - Chi nhánh Quảng Ngãi	LVBKVVNVX

- **Tên người thụ hưởng:** Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam;
- **Địa chỉ:** 208 Đại lộ Hùng Vương, Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.
- Nhà thầu yêu cầu ngân hàng phát hành ghi nội dung cụ thể như sau để tiện tra cứu:
- **Nội dung:** [Tên nhà thầu] + bảo lãnh dự thầu gói thầu + [số đơn hàng] + BSR + tên viết tắt ban mua sắm của BSR
- Ví dụ: Công ty ABC - bảo lãnh dự thầu gói thầu - ĐH270-21-1980-BSR-TMDV'

Lưu ý: Nhằm tránh tình trạng ngân hàng thông báo chậm trễ trong việc thông báo bảo lãnh dự thầu cho BSR, nhà thầu nên chủ động in điện thông báo bảo lãnh của ngân hàng đính kèm vào hồ sơ dự thầu (nếu có thể).



- Đối với hình thức Bảo đảm dự thầu bằng chuyển khoản vào tài khoản BSR: nhà thầu đính kèm vào HSDT biên lai chuyển tiền/ủy nhiệm chi xác nhận việc đã chuyển tiền bảo đảm dự thầu vào tài khoản BSR. Nhà thầu phải đảm bảo số tiền bảo đảm dự thầu được ghi có vào tài khoản BSR trước thời điểm đóng thầu. **Khi chuyển tiền, nhà thầu ghi nội dung theo cấu trúc giống như hình thức sử dụng bảo lãnh bằng điện thông báo nêu trên.**
 - Đối với hình thức Bảo đảm dự thầu bằng Bảo lãnh ngân hàng: nhà thầu đính kèm bản copy vào HSDT và gửi bản gốc đến địa chỉ nộp thầu theo quy định tại HSMT này và phải đảm bảo BSR nhận được bản gốc trước thời điểm đóng thầu.
-

